

Năm thứ hai — Số 55

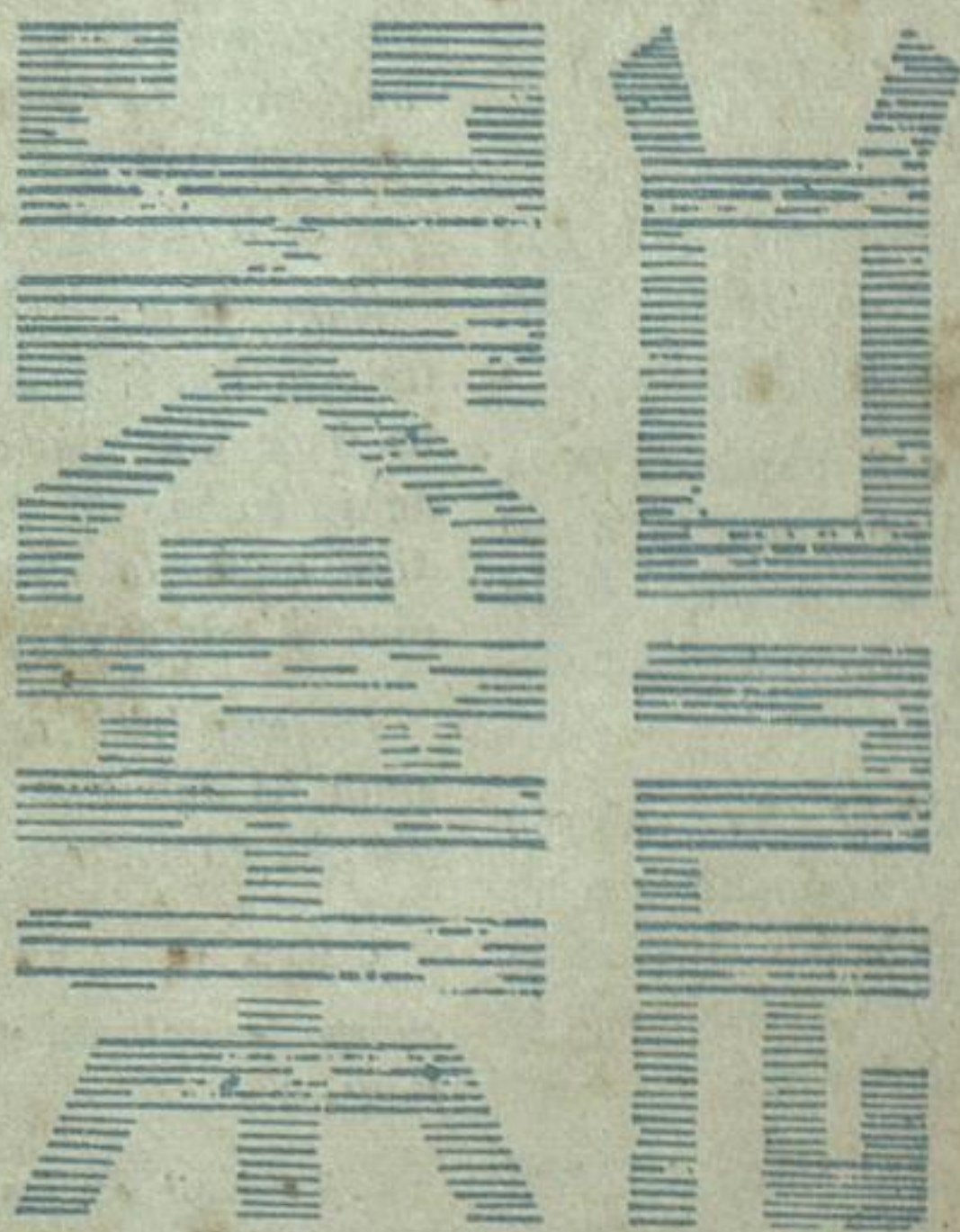
Tuần - lễ từ thứ tư 15

đến thứ ba 21 Juillet 1942

TRi TÀN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần

Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội



Trong số này :

Quyển tác-giả — Phan huy-Chú với bộ « Lịch-triều hiện
chương — Tra nghĩa chữ nho (IX) — Cách xếp-đặt chữ nho
trong tự-diễn (I) — Tài-liệu để định - chính những bài văn
cổ (XXXII) — Ban-mê-thuật (lữ-ký, II) — Việt-nam văn-học
sử (XXX) — Những ông nghề triều Lê (XXVIII) — Phê-bình
« Kinh cầu tự » — Lao trung, thiếu nữ thần (dịch thơ tây) —
Trúc mai sum-hợp (IV).

GIÁ BAO

mỗi số 1 năm 8p80
8 tháng 8.80
1 số xu 8 — 1.80

Cony số gửi gấp đôi

QUYỀN TÁC-GIẢ

LE-THANH

KHÔNG ở đâu bằng ở đây, các quyền lợi của nhà văn bị người ta rẻ-rúng, đã có lần tôi viết thế trên tờ báo này, tôi còn nhắc lại nữa và nhắc lại mãi, mỗi lần tôi còn thấy nhà văn bị người ta bóc lột một cách vô lương tâm.

Tiểu thuyết của nhà văn bị người ta tự do đem soạn thành vở hát diễn lấy tiền.

Văn thơ luận-thuyết đăng báo bị người ta tự-do lấy in thành những tập sách đẹp bán lấy tiền.

Một tiểu thuyết người ta đã in thành sách còn bị người ta lấy về sửa qua loa rồi, với một cái tên khác, đem bán cho một nhà xuất-bản khác để lấy tiền.

Tôi còn có thể kể nữa... nhưng thôi, hôm nay tôi hãy dừng riêng tại với một cách bóc lột các nhà văn mà có lẽ chính nhà văn của ta cũng không để ý đến.

Ở Hàng Ngang, Hàng Gai, Phố Huế, và nhiều phố khác ở Hà-nội có những hàng sách với tấm biển « Truyện cho thuê » Ở đây người ta cho thuê truyện nghĩa là chủ nhân hiệu ấy bỏ một cái vốn độ bốn hào mua cuốn sách của các ngài về cho thuê.

Cho thuê mỗi cuốn hai xu, mà tính trung bình họ có thể cho thuê độ 500 lần.

Nhà văn ta được lãi vào cuốn sách ấy bao nhiêu, độ 10 |. × 0 40 = bốn xu. Mà người đứng cho

thuê truyện, không mệt óc, không lao tâm, chỉ bỏ cái vốn bốn hào đã được

0p02 × 500 10p00,

250 lần cái số tiền nhà văn ta được hưởng.

Tôi tưởng không còn có sự bóc lột nào tàn nhẫn hơn được nữa !

Sao ta cứ đề yên như thế mãi, tuy chúng ta có quyền làm mất sự thiệt thòi mà chúng ta phải chịu từ trước đến nay.

Năm 1936, bên Pháp, ông thượng thư Zay, hồi ấy đang giữ bộ Quốc gia giáo-dục có đệ lên nghị viện bản dự án một đạo luật định quyền lợi của những người sống về văn-chương và mỹ thuật.

Tôi xin trích ra đây đoạn có quan hệ đến việc cho thuê sách lấy tiền đã nói trên :

Article 15. — Le droit d'auteur comporte notamment au profit de l'auteur :

— Le droit exclusif de reproduire et de diffuser, ainsi que d'autoriser la reproduction et la diffusion de ses œuvres — le droit exclusif d'autoriser sous les conditions spéciales fixées par lui, l'emploi d'une ou plusieurs exemplaires de ses œuvres par toutes personnes s'en servant non pour leur usage personnel, mais pour des opérations de location, de prêt ou autres opérations de communication de l'œuvre au public, si ces opérations ont pour effet la réalisation de bénéfices ou une réduction de

tais généraux ;

(Khoản thứ 15 : Quyền tác giả lưu-trung gồm có những lợi — độc quyền in và truyền bá cùng là cho phép in và truyền bá tác phẩm của mình — độc quyền cho phép, theo những điều kiện riêng do tác giả định, tất cả những người nào dùng một hay nhiều bản của tác phẩm không phải riêng cho mình mà để cho thuê, cho mượn, hoặc vào những cách truyền bá khác cho công chúng, mục đích là kiếm lợi hay giảm bớt số tiền chi-phí...

Quyền lợi của ta là thế. Ta cần phải giữ lấy nó và che chở nó bằng cách cảnh cáo những người có cửa hàng cho thuê sách lấy tiền ; nếu cách ấy không có hiệu quả, ta có thể nhờ sự can-thiệp của pháp-luật.

Trong việc này chúng ta cần phải hợp lực với các nhà xuất bản để bảo tồn lấy cái quyền-lợi chung của cả hai bên.

Tôi mong những lời tôi viết hôm nay sẽ không phải là những lời bàn suông và một ngày gần đây, qua những phố Hà-nội và các tỉnh khác, đứng trước những hiệu sách, chúng ta sẽ không phải khò lăm nhìn người ta thần nhiên bóc lột ta bằng cách giả người đồng phạm mấy đồng xu thuê một tác phẩm của chúng ta như từ trước đến nay người ta vẫn làm.

LE-THANH

Một bộ sách rất giúp ích về mặt sử-học và văn-học Việt-nam cận - đại

PHAN HUY-CHÚ (1781-1840) VỚI BỘ « LỊCH TRIỀU HIẾN CHƯƠNG »

HOA-BÀNG

NĂM MINH - MẠNG thứ nhất, 1820, góp vào kho văn-hóa của nước Đại-Nam có một pho sách rất giá-trị về mặt sử-học cũng như về mặt văn-học : ấy là bộ « *Lịch-triều hiến-chương loại chi* » của Phan Huy-Chú.

Căn cứ vào bộ sách ấy, nhiều bài trong Tri-Tân bấy nay thường vẫn dùng làm tài-liệu về sử-học và văn-học. Nhưng không mấy khi quên dẫn xuất xứ.

Vậy, tác-giả sách đó là người thế nào và công-trình làm thành sách đó ra sao, tưởng nay nên kê-cứu kỹ-càng mà giới-thiệu với các bạn thanh-niên biết đến một văn phẩm bằng chữ Hán rất quý-báu ấy đã « khai sinh » vào « sô » Văn-học Việt-nam từ 122 năm trước đây.

Tiểu-sử tác-giả « *Lịch-triều hiến-chương* »

Phan Huy-Chú, trước tên là Hạo, sau vì tránh quốc-húy, đổi là Chú.

Tự Lâm - Khanh, hiệu Mai-Phong, tiên-sinh gốc-gác vốn người Nghệ-an. Đến ông tổ xa, tên là Cầm, mới dời tới ở tại làng Thụy-khuê (tục gọi làng Thày), tổng Lật-sài, huyện Yên-sơn, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây.

Sinh vào mùa đông năm nhâm-dần, 1782, niên hiệu Cảnh-hung đời Lê Hiến-Tông, 1740-1786, tiên-

sinh nổi tiếng hay chữ từ thuở trẻ. Khoa đình-mão và khoa kỹ-mão đời Gia-Long, 1802 1819 tiên-sinh đều đỗ tú-tài, nên bấy giờ người ta thường kêu là cụ Kép Thày.

Từ năm Gia - Long thứ tám, 1809, tiên-sinh bắt tay làm bộ « *Lịch-triều hiến-chương* ».

Trải mười năm đằng đẳng, bộ « *Lịch-triều hiến chương* » ấy mới nên trọn, gồm 49 quyển.

Năm Minh-mạng nguyên niên, 1820, dâng bộ sách ấy lên vua Thánh - Tổ, tiên - sinh được thưởng :

30 lạng bạc,
1 chiếc áo sa,
30 ngọn bút tàu,
30 thoi mực tàu.

Qua năm Minh-mạng thứ hai, 1821, tiên-sinh được bổ Hàn-lâm biên tu, trải làm Thừa-thiên phủ thừa (Minh-mạng năm thứ chín, 1828), rồi làm đến Quảng-nam hiệp-trấn (Minh-mạng thứ mười, 1829)

Vì tiên-sinh là tay học rộng, văn hay, nên hai lần được cử đi sứ Mãn-Thanh.

Lần thứ hai được cử đi sứ Tàu này là do nhà vua đặc phê cử đi ; chứ các đình thần thì dị nghị vì cho rằng tiên-sinh đang ở chức thấp. Vua Minh-Mạng liền thăng lên Thự-giảng, sung đi sứ.

Sau phải khiển-trách, tiên-sinh

bị cử đi Tây để trừ sức chuộc lỗi.

Năm Minh-mạng thứ mười lăm, 1834, tiên-sinh được khai phục làm Công bộ tư-vụ.

Rồi, lấy cớ đau chân, xin cáo quan về nghỉ, tiên-sinh dạy học ở làng Thanh-mai, huyện Tiên-phong.

Năm Minh-mạng thứ hai mươi mốt, 1840, tiên-sinh mất, thọ 59 tuổi, để lại một sự-nghiệp bất hủ về phương-diện văn-học.

Tiên-sinh có những tác-phẩm này :

1. Hoàng Việt địa dư chí
2. Hoa thiều ngâm lục
3. Hoa thiều tục ngâm
4. Dương trính kỷ kiến

(Trong mấy tập này cũng có tập hấy còn)

5. Bình định qui trang

(Tập này không thấy còn)

Và :

6. Lịch triều hiến chương

là một bộ sách đối với triều-đình bấy giờ, dùng làm căn-cứ để kê tra mọi việc về chính-giáo, đối với pho *Khâm định Việt-sử thông giám cương mục*, giúp đến quá nửa tài-liệu trong những lời chú, và đối với những nhà học-giả Pháp, Nam hiện đại, để trở nên một của báu vô giá để nghiên-

cứu hoặc tham khảo trong khi viết đến những vấn-đề về văn-hóa Việt-nam.

**Động cơ và thủ tục làm
thành bộ « Lịch triều
hiển chương »**

«Thần,khoảnh nhân dụng nghiệp,
« Xi bảo hà tư...

« Vị : cổ điển mang mang, tưng
phỉ phân điều nhi tích lữ,
« Tức kiến văn mậu mậu, hề
do bác cổ nhi thông kim !

« Quát ma viện lệ nghiên cầu,
« Xuyết thập tự vong cổ lậu:

« Khảo đính duyệt thập hàn
thử, triều san, mộ dịch thử tinh
thần.

« Ôn quát kiểm lục đại điều-
chương, loại biệt, vưng phân đại
yếu điển.

« Bình luận thời gia ức thuyết,
« Quán thông tổ hiệu thành
thư.. »

Đó là mấy câu trích trong bài
biên dâng sách « Lịch triều hiển
chương » của tác-giả Phan Huy-
Chú. Những câu ấy là thể văn
biên ngẫu thường dùng để viết
chưa bao giờ. Đại ý :

« Tôi gần đây, nhân theo đuổi
học tập, có ôm cái xi tưởng nghĩ
xa-xôi mà cho rằng nếu điển
chương cũ cứ để man-mác,
không chia ra từng đường từng
sợi cho rõ ràng, thì kiến văn lờ
mờ, bởi đâu mà rộng cổ, thông
kim được !

« Tôi quên mình là kẻ cổ chấp
và cô lập, ra công mài nạo, rắng
sức nghiên-cứu và tìm-tòi. Sớm
san sửa, chiều gỡ mối, làm công
việc khảo đính ấy suốt mười
năm ; chia từng loại, phân từng
vưng, gom tóm được điển chương
của sáu triều đại. Thỉnh-thoảng
cố lấy ức thuyết mà thêm lời

bình luận, xâu suốt liền thông
gọi cho thành sách... ».

Đó là những lời cốt yếu của
tác-giả thanh-minh về nguyên-
động-lực và thủ-tục làm bộ « Lịch
triều hiển-chương ».

Những ý ấy được nói rõ trong
bài tựa « Lịch triều hiển chương
loại chí » mà tôi sẽ trích dịch
từng đoạn trọng-yếu ra sau đây :

« ... Nước Việt ta lập quốc từ
các đời Đinh, Lê, Lý, Trần,
phong hội đã mở-mang, mỗi
triều-đại có một chế-độ của một
truyền-đại. Kịp đến nhà Lê dạy
lên, kiên thiết rõ ràng, pháp độ
tỏ tường và đầy đủ. Về mặt thanh
danh văn vật, thịnh đạt chẳng
kém gì Trung-hoa. Phạm ruộng
điều-chương và yếu-diễn như
phương-pháp đặt quan, thì kẻ
sĩ, qui tắc binh chế, lý tài, điển
lễ trị nước và giao thiệp với lân
bang, không mặt nào là không
có đủ. Vì từ triều Hồng-đức, 1470-
1497, sửa định, đời sau noi theo,
trong khoảng hơn 300 năm, được
vua tài chúa giỏi chăm chú,
tôi hiền tướng tốt kiến minh,
nào duy trì, nào tuân giữ, những
cái gọi là điển-lễ dựa theo nhau
kia, chẳng nói cũng biết là có
sự sửa sang thêm bớt ở trong đó.

« Duy trước giờ chưa có bộ
sách nào chuyên chép về hội
điển của lịch triều ; mà sự ghi
chép của quốc sử biên niên còn
nhiều sơ lược ! Huống chi từ
bình ngô (Le Canh-hung thứ bốn
mươi bảy, 1786) trở đi, co việc
binh lửa, cụn chương tan-lạc
vương-vãi ; mà những sách sót
lại còn cất giấu ở những nơi cô
gia thế-tộc thì tờ tàn mảnh vụn
lại đến hàng tập sai ngoa, chưa
có đầu-môi gì cả.

« Người bàn nói về điển-cổ của
các triều-đại đến phải ra mấp mớ,

không biết dựa dẫm và căn-cứ
vào đâu ! Thế thì công-việc thập
tập kiến văn, phân biệt sự-loại
để làm thành một sách về điều
hiển há chẳng phải là việc nên
làm của kẻ học-cổ hay sao ? »
(dịch theo lời tựa sách *Lịch triều
hiển chương*).

Rồi tác-giả Phan Huy-Chú nói
đến chỉ-hướng và công-việc làm
sách của mình :

« Tôi từ bé biết học, vẫn thường
có chí. May nhờ sự dõn dẩn
của bao đời và công dạy-dỗ của
cha, tôi, đối với điển-chương,
cũng được ngót sơ đầu mối. Chỉ
ân hận rằng sử sách tản-mát,
chưa kịp toán-tu và diên-tập ! Tự
khi vào núi đến giờ, tôi mới
đóng cửa tạ khách, cặm cụi tìm
tòi. Sau những khi thư knoa
rảnh rang, bèn lại khảo-định
tùy theo loại.

« Gián-hoặc nghĩ ngẫm có sở
đắc điều gì thì lại chép ra những
lời nghị-luận. Ngày chưa, tháng
đôn, trải 10 năm nay... »

Khi biên lục xong, tác giả chia
sách ra làm mười loại chí.

Coi đó đủ biết, trước khi
làm sách *L. T. H. C.* tác-giả đã
ôm-áp một chí hướng lớn, và
trong khi làm sách, tác-giả đã
phai dùng biết bao nỗ-lực và
căn-cù mới đạt được mục đích
cao xa ấy.

Một kỳ sau, tôi sẽ mời các bạn
đọc cùng tôi theo thư tự từng
loại-chí một mà xét đến nội-
dung bộ sách rất qui-bau này.

Tham khảo : *Mai-t'rong cong
tiên - truyện* của Phan Huy-Chú,
Liên thư biên và *Lịch triều điển
chương loại chí* tự của Phan Huy-
Chú, lời « chí » và lời « phụ »
của Sở công đảng Nam-phong
phần chữ nho, số 96).

HOÀ-BẮNG

TRA NGHĨA CHỮ NHỎ

Số 9

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TÔ

VI. — chữ gi

Ở trang 102 quyển *Tâm nguyên từ-diễn*, ông Lê văn-Hòe cắt nghĩa chữ

giá « là gả chồng cho con gái ». *Từ-nguyên* cắt nghĩa là « con gái đi lấy chồng » (nữ thích nhân giá) : kinh *Lễ* có câu « Nữ-tử nhị-thập nhị giá », con gái hai-mười tuổi đi lấy chồng. *Thuyết-văn* có câu « Nữ thích nhân giá, nhất viết gia giá, cổ phụ nhân vị giá viết qui », con gái đi lấy chồng, có khi gọi là gia ; lấy nhà chồng làm nhà mình, cho nên người đàn bà gọi khi đi lấy chồng là về nhà chồng (vụ qui). Tự-vị Khang-hi dẫn một câu *Khúc-lễ* như sau này : « Nữ-tử hứa giá anh ; chú : hệ dĩ anh thị hữu sở hệ thuộc giá », nghĩa là cho con gái về nhà chồng, buộc lấy cái giá, tỏ ý ràng - buộc. Như thế thì « gả chồng cho con » là *hứa giá*, không phải là *giá*. Chữ *giá* còn nghĩa là đi : tự-vị Khang-hi gọi là *vãng giá*, và dẫn một câu ở *Liệt-tử thiên-thụy* như sau này : « Liệt-tử ở nước Triệu 40 năm, không ai biết

đến, sắp đi sang nước Vệ » (tương giá vụ Vệ). Liễn dẫn tự-vị Khang-hi lại có câu : « Suy ác vụ nhân viết giá », đây cái ác cho người ta gọi là giá : *Sử-ký Triệu-thế-gia* có câu « Bình-nguyên-quân Báo viết : Thị dục giá họa vụ Triệu giá », Bình-nguyên quân tên là Báo nói rằng : « Ấy muốn gieo vạ cho nước Triệu đó ». Xem như thế thì chữ *giá* họa không thuộc vào nghĩa chữ *giá* là lấy chồng. *Giá* họa là dời cái vạ của mình cho người khác : di kỷ họa ư tha nhân giá (chữ *Từ-nguyên*).

Ở trang 103, dưới chữ *giao loan*, nên chưa rằng chữ nhỏ phải đặt ngược lên, là *loan-giao*, cũng nghĩa

là keo con loan, là con phượng con. Sách *Hán Vũ ngoại truyện* chép « Xứ Tây-hải dâng keo con loan. Dây đàn của Vũ-đế đứt, lấy keo ấy nối thì hai đầu dính chặt lại, cả ngày đem bản không đứt : Vũ-đế rất vui lòng, đặt tên là tục-huyền-giao », nghĩa là keo nối giây. Nghĩa bóng, tục-huyền là người góa vợ lấy vợ khác.

Trong chữ *giao* là keo, còn chữ *giao-tất* không thấy chép trong từ-diễn của ông Lê văn-Hòe. *Giao-tất*, nghĩa đen là keo sơn, nghĩa bóng là tình bè-bạn gắn bó với nhau : văn-tế nha-phiến có câu « Nghĩa giao-tất dễ quên lòng quyến-cổ ». Về lịch-sử địa - dư, có chữ *Giao-chân*, *Giao-chỉ*, cũng không thấy chép.

Ở trang 103, dưới chữ *giăng giá*, nên thêm rằng Nguyệt-lão là tên một vị thần, chủ về việc hôn-nhân sự tích chép trong bộ *Đường-dạ-tàng-thư* như sau này (sách của Bác-cổ, số P 612, quyển 17, tờ 61 a-63 a), *Tục-U-quái-lục*, đầu đề là *Định-hôn điểm*, của Lý Phục - Ngôn đời Đường :

« Vi-cổ người Đổ-lăng, lúc bé mồ-côi cha mẹ, sớm nghĩ đường lấy vợ, cầu hôn nhiều nơi không thành. Năm Trinh-quán thứ hai (628) đời Đường Thái - Tôn, đi chơi Thanh-hà, trọ ở điểm phía nam Tống-thành. Có người mách đến hỏi con gái Phan-Phổng là tiền-tư-mã Thanh-hà, hẹn sớm hôm sau đến cửa chùa Long-hưng ở phía tây điểm. Vi-cổ có ý cầu khẩn-thiết, hôm sau đi từ lúc mặt giăng còn sáng, gặp một người già dựa vào cái cây, ngồi trên thềm, trông lên mặt giăng, kiểm sách. Vi-cổ xem vào, không biết chữ gì, hỏi rằng : « Lão-phụ tìm sách gì thế ? Cổ này từ lúc nhỏ đã chịu khó

học, những chữ trong các sách không chữ nào là không biết, cho đến lối chữ (phạm sanserit, thường đọc nhầm là phạm) của Tây-vực, cũng đọc được ; duy có sách ấy, mắt chưa được thấy bao giờ ». Ông già cười, nói rằng : « Đây không phải sách của trần-gian, nhà ngươi làm sao mà thấy được ? » Vi-cổ hỏi : « Vậy thời sách gì thế ? » Ông già đáp : « Sách nói về u-minh ». Cổ rằng : « Người chốn u-minh sao đến đây được ? — Nhà ngươi đi sớm, nên gặp ta, chứ không phải là chỗ ta không đến được. Quan ở chốn u-minh u-lại coi việc nhân-gian, lẽ nào lại không đến được nhân-gian ? Nay trên đường cái, nửa người nửa quỷ, tự người không biết đó mà thôi. — Vậy thì ông coi về việc gì ? — Coi về số cưỡi của thiên-hạ ». Cổ mừng, nói, rằng : « Cổ này mồ-côi cha mẹ từ lúc bé, muốn lấy vợ sớm để rộng đường hậu-tự, thế mà đã mười năm nay, cầu hôn nhiều chỗ, đều không vừa ý. Nay có người hẹn đến đây, để đi hỏi con gái quan tư-mã họ Phan, việc ấy có xong không ? — Chưa xong, vợ người mới ba tuổi, đến năm mười-bảy mới về nhà người ». Cổ hỏi : « Trong đây ông đựng vật gì ? — Cuốn giấy đỏ để buộc chân vợ chồng. Dù hai bên thù-hằn nhau, kẻ sang người hèn cách nhau, chân giời góc bể xa nhau đã buộc giây này, thì không lộn được nữa. Chân người đã buộc vào người con gái kia, có cầu chỗ khác cũng vô-ích — Vợ Cổ này ở đâu ? nhà làm nghề gì ? — Con gái mụ bán rau ở phía bắc điểm này, — Có thể thấy được không ? — Người đàn bà họ Trần thường ẵm theo đến chỗ bán rau ; người đi theo ta, ta trả cho ». Kịp đến sáng, không hẹn mà đến. Ông già cuốn sách vào đây mà đi, Cổ đi theo đến chợ bán rau, có mụ già chốt mắt, ẵm đưa con gái lên ba quần áo rách-rưới bẩn-thịu. Ông già trở vào đưa con gái nói rằng : « Ấy vợ người đó ». Vi-cổ giật, nói rằng : « Giết đi có được không ?

— Mệnh người ấy được ăn lộc vua ; vì con mà được thực ấp, thì giết sao được ? » Ông già bèn biến mất. Cổ mài một con dao nhỏ, bảo đứa ở rằng : « Mày vốn quen việc, mày vì ta giết đứa con gái kia, ta cho vạn tiền ». Đứa ở vâng. Sớm hôm sau, bỏ dao trong tay áo, đi vào chợ bán rau, đương khi đông người, đâm một nhát, rồi chạy. Cả chợ ùn-ào, ầm đứa con gái chạy được thoát. Khi đứa ở về, Cổ hỏi rằng : « Đâm có trúng không ? » Đứa ở đáp : « Lúc đầu định đâm vào bụng, chẳng may mới trúng ở chỗ mi mắt ». Sau Cổ cầu hôn mãi, đâu cũng không thành. Cách mười-bốn năm nữa, Cổ lấy cháu ẵm của cha, được bổ tham-quân ở châu Tương ; thứ-sử là Vương-Thái sai chuyên về việc

tra ngục ; vì cho là người giỏi, gả con gái cho. Người con gái ấy độ 16 17 tuổi, nhan-sắc rất đẹp, Cổ lấy làm thỏa chí lắm. Người con gái ấy thường đeo hoa (hoa-diên) ở đuôi con mắt, lúc tâm gột cũng không bỏ. Cổ biết ý, hỏi gặng mãi ; vợ nói : « Thiếp là con nuôi quan quận-thú đây, chứ không phải con đẻ. Nhớ xưa cha thiếp làm quan tể ở Tống-thành, mất tại chức, thiếp hãy còn phải ẵm, mẹ thiếp cũng mất, duy còn một cái trại ở phía nam Tống-thành, cùng ở với nhũ-mẫu là họ Trần. Bà họ Trần sớm tối làm nghề bán rau, cũng đủ nuôi nhau. Bà thương thiếp bé, không nỡ bỏ một mình ở nhà. Khi lên ba, ẵm ra chợ bán rau, không ngờ bị đứa cuồng-tặc đâm phải, dẫu dao

hãy còn, nên phải lấy hoa che lấp đi. Bấy tám năm nay, vì chú tòng sự ở đây, thiếp được theo hầu, nên mới nhận làm con gái gả cho người ». Cổ hỏi rằng : « Bà họ Trần đó có phải chột một mắt không ? » Vợ nói rằng phải, và hỏi sao biết. Cổ nói : « Chủ mưu đâm ấy là Cổ đây ». Vợ hỏi rằng : « Sao lại lạ thế ? » Bèn đem hết câu chuyện kể ra. Hai vợ chồng lại càng kính mến nhau lắm. Sau sinh con gái là Côn. Côn làm thái-thú ở Nhạn-môn. Mẹ Côn được phong làm Thái-nguyên-quận thái - phu-nbân. Thế mới biết âm-chất đã định, thì không thể đổi được. Quan tể Tống-thành nghe chuyện, đề tên điểm ấy là « Định hôn điểm ».

Ở trang 105, quyển *Tâm nguyên từ điển*, dưới chữ *giắc mộng hoàng-lương* là mộng kẻ vàng, nên chưa rằng chuyện *Hoàng - lương mộng* cũng có khi gọi là *Hàm đan mộng*. Bộ *Đường-dại tạng-thư* (quyển 15, tờ 47 a-50 a) đề là *Châm-trung ký* nghĩa là Bài ký trong gối, của Lý-Bật đời Đường. Chuyện này cũng như chuyện trên kia, chưa ai dịch đủ, chỉ thấy tóm-lắt, nên có chỗ lạc nghĩa ; nay chúng tôi dịch toàn chuyện như sau này : « Năm Khai-nguyên thứ 19 (tức là năm 721 sau kỷ-nguyên (đời Đường Huyền-tôn, đạo-sĩ họ Lã đi trên con đường Hàm-dan, vào trong một cái quán, đặt giường, giải chiếu, khoác đay, ngồi một mình. Một chỗ có một thiếu-niên trong làng là Lư-sinh, mặc áo cừu ngắn, cưỡi ngựa thanh câu, sắp ra thăm ruộng, cũng vào nghỉ trong quán, cùng ông họ Lã tiếp chuyện, nói cười rất là vui-vẻ. Một lúc lâu, Lư-sinh ngó lại quần áo rách-rưới, than rằng : « Đại trượng-phu sinh ở đời, chẳng được sung-sướng, mà khổ như thế này ư ? » Ông họ Lã nói : « Ta trông người, da người sáng-sủa, hình-thể khỏe mạnh, nói cười vui sướng như thế, mà than là khổ-khổ là có sao ? » Lư-sinh đáp : « Tôi sống như thế này là sống tạm, chứ có thích gì đâu ? » Ông họ Lã nói :
Xem tiếp trang 9

Tri - Tân sẽ lên giá kể từ

1er Aout 1942

Vì giấy in báo càng ngày càng đắt, và tổng phí về việc làm báo mỗi ngày một tốn hơn, nên các báo ở Nam đều phải tăng giá, mà các bạn hằng ngày ở Bắc đây cũng đều ra có hai trang.

Đứng trước tình thế khó khăn này, bản chí cũng không thể cứ làm một việc hi sinh vượt quá sức mình mãi nên cần phải trông mong ở sức cộng tác của các bạn đọc.

Không muốn làm việc rút trang, tất phải nhích giá thêm lên đôi chút cho khỏi lỗ. Vậy bắt đầu kể từ 1-8-1942 đây, giá báo sẽ tăng và tính như sau :

Một năm	6 tháng	3 tháng
8\$50	4\$50	2\$35

Bán lẻ mỗi số 0p20

Ngoại quốc và công sở tăng gấp đôi.

Tuy vậy đối với các bạn nam nữ học sinh bản chí cũng sẵn lòng tính bớt 20%.

Còn các bạn đọc ai mua và giả tiền trước ngày 1er Aout 1942 cũng vẫn theo giá cũ là :

Một năm	6 tháng	3 tháng
6\$80	3\$50	1\$80

Một khi các bạn đã có lòng yêu mà đứng bên ủng hộ, chắc cũng không kỳ quẩn gì về sự thêm lên mấy xu ấy.

Vậy mong các bạn đọc vui lòng thế tất cho. Đa tạ trước.

TRI-TÂN

Cách xếp đặt chữ nho trong Tự-diễn

ĐÀO TRỌNG-ĐU

PHÂN-loại hán - tự (1) là cốt để xếp-đặt chữ nho trong tự-diễn theo một cách nhất-định, để tra cứu cho tiện, dễ-dàng và đỡ nhầm. Thí-dụ hai chữ Giang Sơn 江山, ta có thể theo năm cách sau này mà phân-biệt :

1.) Theo âm, nghĩa là xếp chữ Giang vào vần G, chữ Sơn vào vần S.

2.) Theo cách viết, hoặc theo thứ-tự các nét trong khi viết, như chữ «giang» nét đầu là nét chấm thì xếp vào bộ «điểm», chữ «sơn» nét đầu là nét sổ thì xếp vào bộ «trục». Hoặc theo số nét khác nhau, như xếp chữ «giang» vào bộ sáu nét, chữ «sơn» vào bộ ba nét ;

3.) Theo hình-dạng chữ khác nhau. Thí-dụ chữ «sơn» ba nét viết liền với nhau thành một mảng, chữ «giang» sáu nét viết rời-rạc làm bốn mảng ;

4.) Theo cội-rễ từng chữ mà phân-loại.

Ngoài bốn cách kể trên, còn một cách nữa là «hiệu mã phân loại». Đại-khái cũng theo cách viết và hình - dạng từng chữ, nhưng khác hai cách này ở chỗ chia các nét ra mười bút hoạch, lấy mười con số đầu từ 0 đến 9, mà thay vào, rồi viết thành ra

Ô mai Tiên Lợi
ngon lành
Và lơ Tiên Lợi
nổi danh ở đời
Bốn trăm linh bảy
Bạch-mai. Hỏi thăm cho
đến tận nơi mua dùng

một số biểu hiệu. Xếp - đặt chữ nho trong tự-diễn, sẽ theo những số biểu - hiệu ấy, nghĩa là theo một thứ-tự tự-nhiên.

A. Đồng-âm phân-loại

Đồng-âm phân-loại có bốn chỗ khuyết điểm :

1.) Không được tự - nhiên, vì chữ với âm không có gì là liên-lạc. Thí-dụ «nét phây với nét móc chụm vào nhau» : ta đọc là nhân, Quảng-đông đọc là yần, Bắc-kinh đọc là rần, Nhật - bản đọc là jin, là hito, đọc bấy-nhiều lối đều được cả, không một cách nào là do lẽ tất nhiên.

2.) Không được thông - dụng, Tự-vị tầu xếp-đặt theo cách này, ta không dùng được : Trái lại, theo giọng ta mà phân-loại hán-tự, đối với người tầu lại không có giá-trị gì, vì nhiều chữ giọng ta đồng âm, giọng quảng - đông lại đọc khác nhau, thí - dụ chữ «thái» là lớn, với chữ «thái» là rau, người Quảng - đông đọc là thai và ts'oi, chữ dân 民 vẫn d, và chữ văn 文 vẫn V, theo giọng quảng-đông phải xếp cả vào vần M... Vậy cách đồng-âm phân loại không dùng phân loại hán - tự được, gọi là phân-loại chữ nho, chữ quảng đông, chữ bắc kinh có lẽ đúng hơn (1)

3.) Đồng âm tự diễn tra không được tiện, vì chữ nào khó mới phải tra mà đã không biết nghĩa, phần nhiều không biết cả cách đọc.

4.) Cách đồng âm phân loại không được nhất định, mỗi thời một khác ; chữ «bình» 平 bây giờ ta xếp vào vần B, biết đâu vài ba trăm năm về sau, không đổi âm đi và phải xếp vào vần Ph chẳng hạn.

Tuy vậy, đồng âm tự diễn vẫn thấy thông dụng : tự vị Đỗ Văn-Đáp, Từ điển Đào duy-Anh đều xếp đặt theo lối ấy cả. Là vì đồng âm phân loại, dù không phải một cách phân loại đích đáng, cũng là một khí cụ rất tiện lợi cho người muốn luyện tập quốc văn. Nhưng có một điều đáng tiếc là bao nhiêu tự vị từ điển đã xuất bản, đều theo thứ tự hai mươi nhăm chữ cái, nghĩa là lấy thủ âm (sons consonnes) làm cốt. Chưa thấy tác giả nào lấy vĩ-âm, nghĩa là chia tự diễn ra mười một mục, theo mười một chữ mẫu tự A, Á, Ǻ, E, Ê, I, hoặc Y, O, Ô, Ơ, U, Ư. Trong tự-diễn xếp đặt theo lối mới ấy, mục A sẽ chia ra ; vần «A», có những chữ a 阿, á 亞, ba 巴, bà 婆, ca 歌, cá 箇... vần «Á», có chữ ác 惡, chữ bác 博, chữ các 各.. Cứ thế mà xếp đặt cho đến vần Ao, vần Áp, vần Ǻt, Mục Ǻ sẽ chia ra vần Ǻc, vần Ǻng... Cách tra cũng không khó gì hơn tra tự vị khác : thí dụ muốn tra chữ loan, phải bỏ chữ L đi, rồi tìm vần Oan, mục O.

Cách xếp đặt theo vĩ - âm có phần tiện lợi hơn theo thủ âm, vì thủ âm không mấy khi đoán đúng. Thí dụ chữ «nhân bằng chữ cổ», có ngờ đâu ở vần T, nhưng đã học qua chữ cổ 古, chữ cổ 𠂔 rồi, tất nhiên ai cũng nghĩ đến vần Ô. Còn những chữ mình ngờ nhầm tr với ch, d với gi, a với x, tra đồng vận tự-diễn lại càng dễ thấy, chỉ trang trên trang dưới là thấy ngay, vì tr với ch, d với gi... không cách quãng nhau xa như các tự-vị khác.

Dưới đây xin xếp thứ hai vần, để đọc giả xem cách đồng vận phân loại tiện lợi là thế nào,

Mục A		Mục O	
Văn A		Văn O	
Văn này có mấy «khôn tiếng» (2) chính nên nhớ : có thể đọc theo văn I, như 也, 皮, 多, 可... có thể đọc theo văn O, văn U, như : 且, 者...		«Những «khôn tiếng chính nên nhớ : có thể đọc theo văn U, văn A như : 且, 者.. có thể đọc theo văn U, như : 甫; 無.	
A 阿	Ca 歌	O 汚	
A 亞	Cà 袞	Bô 脯	
Ba 巴	Cá 個	Cô, Cỗ, Cồ, sau hết cả những chữ thuộc về văn Cô,	
Ba 波		 chép chữ :	
Bà 婆		泗	xem văn Hạc
Bá 伯		個	xem văn Cá

Đại khái đồng vận tự điền, nên xếp đặt như hai văn xếp thứ trên này. Mỗi văn, bắt đầu nên nói tóm tắt về những khôn tiếng chính nên biết, và nên xếp tất cả những chữ người mới học có thể đoán nhầm được. Thí-dụ : văn O, xếp cả chữ cá 個 chữ hạc 泗 và chưa thêm câu : «xem văn cá, xem văn hạc» văn thanh, chép cả chữ thiên 僊 và chưa thêm câu : xem văn thiên ..

Ngoài phương diện phân loại hán tự, cách xếp đặt tự điền theo mẫu tự còn bổ ích cho ngôn ngữ học, vì có thể làm cho ta hiểu thêm về sự chữ đầu biến hóa ra chữ nho. Xếp đặt theo thủ âm thấy chữ nho và tiếng nôm hình như lẫn lộn với nhau, chỉ có văn R văn G là tuyến nôm.

Xếp đặt theo mẫu-tự thấy khác hẳn : hình như chữ nho và tiếng nôm xa cách nhau ra. Có văn gần hết là chữ nho, như văn Ua, trừ chữ khẩu tay là tiếng nôm. Có văn tuyến nôm, những văn này rất nhiều : mục A như au, ay, mục E như e, em, en... mục O, như o, oi, om... Muốn so-sánh tiếng tàu và chữ nho, cần phải có cả hai thứ tự-vị : thủ-âm tự-điền và vĩ-âm tự-điền. Đây là tôi nói về sự bổ-ích cho ngôn ngữ học,

Về phương-diện phân loại hán-tự, thì dù theo thủ-âm hay vĩ-âm, cũng không phải là một phương-pháp hoàn-toàn.

B. — Bút-hoạch phân-loại

Bút-hoạch phân-loại có hai cách : bút-số phân-loại (classifications calligraphiques quantitatives) và bút-hình phân-loại (classifications calligraphiques qualitatives).

1.) Bút-số phân-loại

Bút số phân loại lấy số nét làm cốt : chữ một nét xếp với nhau, chữ hai nét xếp với nhau, văn văn... Vậy trước hết phải biết nét là gì ? — Tác-giả tự điền phần nhiều cho rằng ai cũng hiểu, nên không cần giảng nghĩa một cách rõ ràng. Còn gì dễ hiểu bằng chữ nhất một nét, chữ nhị hai nét, chữ tam chữ khẩu ba nét. Nhưng phải hiểu ngầm rằng viết ngang bằng số ngay và theo một bút pháp nhất định, vì chữ khẩu viết chân phương có ba nét, viết thảo có một nét, lấy bút và thước kẻ ra một ô vuông tất nhiên thành bốn nét. Vậy hán tự nhiều nét hay ít nét, là tùy ở cách viết, tùy ở thể chữ.

Đếm nét mà phân loại hán tự, xưa nay vẫn theo một thể chính, người Tàu gọi là «khải thư» 楷

書. Tuy vậy, nhiều chữ, mỗi người đếm một khác, theo Vương Văn Ngũ, tác giả quyển «Vương Văn ngũ đại từ điển» những chữ ấy có đến hơn một nghìn. Là vì :

1. Cùng theo một thể mà viết vẫn khác nhau. Thí dụ ; chữ 𠂔 𠂔 tác giả quyển «Les Caractères chinois», tính có bảy nét, vì lẽ rằng chữ 𠂔 là vải rách, do chữ 𠂔 là vải, và hai chữ bát, để chỉ những chỗ rách, des trous, des solutions de continuité. Wiegner cắt nghĩa như vậy, rồi bẻ Khang Hy tính tám nét là vô lý. Có lẽ Wiegner quên rằng chữ 𠂔 có hai cách viết :

a) Viết làm ba nấc : trước nhất chữ bát 𠂔, sau đến chữ 𠂔 nét sô viết ngắn đi một chút, sau cùng chữ bát nữa, hai nét chen vào hai nấc chữ 𠂔. Theo lối này bảy nét.

b) Viết làm ba nấc : trước hết chữ 𠂔 sau đến chữ 𠂔 𠂔 sau cùng chữ 𠂔 nữa ở trong Lối này tám nét. Xem quyển «Dictionnaire Cantonais-français» Louis Aubazac thấy hai chữ 𠂔 rõ ràng.

Hai cách viết được cả. Cách trên dựa vào cổ rễ. Cách dưới dựa vào hình-dáng chữ 𠂔 hơi giống chữ 𠂔 𠂔 Chữ khẩu ngày xưa hình tròn một nét, bây giờ thành ra hình vuông ba nét. Vậy nét sô chữ 𠂔 có gãy ra làm đôi cũng không sao.

2. Khi viết thường ngắt một nét ra làm hai. Thí dụ :

chữ huyền 玄 nét ngoặc viết 𠂔 thành nét phẩy với nét chấm 𠂔 hơn tự-điền một nét.

chữ nha 牙 nét ngoặc 𠂔 viết thành nét chấm với nét ngang 𠂔 hơn tự-điền một nét.

chữ 𠂔 𠂔 chữ 𠂔 chỉ viết nhằm ra chữ 𠂔 bộ 𠂔, cũng thêm một nét.

Trái lại, nhiều khi hai nét viết

Xem tiếp trang 17

Tra nghĩa chữ nho

Tiếp theo trang 6

« Như thế mà chẳng cho là thích, thì thế nào mới là thích? » Lư-sinh nói: « Có dựng được công-nghiệp lớn-lao, ra tướng võ, vào tướng văn, bầy vạc mà ăn, kén tiếng mà nghe, khiến cho họ hàng càng ngày càng to, đồ vật trong nhà đủ dùng, như thế mới có thể gọi là thích. Chỉ tôi cốt học để ra đời thi - thố, đáng lẽ lúc tuổi trẻ đã giắt được áo xanh áo tía, nay đã quá tuổi tráng thất, mà hầy còn cặm-cui ở đồng ruộng, chẳng phải khổn-khổ là gì? » Nói xong, mắt lim-dim muốn ngủ. Lúc bấy giờ chủ-nhân đương nấu nồi kê (hoàng-lương). Ông họ Lã bèn mở đũa, lấy gối đưa cho Lư-sinh, bảo rằng: « Người gối vào đây, sẽ được vinh-thích như ý ». Gối ấy bằng xanh mà hồng hai đầu, Lư-sinh ngả đầu, gối vào gối. Trong khi ngủ, thấy lỗ hồng ấy lớn mà sáng, có thể ở được. Cất mình vào, bèn đến nhà, rồi thấy mình cưới người Thanh-hà họ Thôi làm vợ. Người con gái ấy dung-nhan rất đẹp, mà tiền của rất nhiều. Từ đấy áo mặc và đồ phục-ngự ngày càng xa-xỉ. Năm sau thi tiến-sĩ, đỗ bằng-giáp, bổ chức hiệu-thư-lang, ứng chế được bổ chức huyện-úy ở Vị-nam, rồi thăng giám-sát ngự-sử khởi-cư xá-nhân, làm chức chế-cáo, ba năm ra làm quan Đồng-châu, rồi chuyển ra Thiểm-châu. Lư-sinh là người hay lập công, đào con sông ở Thiểm-tây, dài 80 dặm, để tiện đường giao thông: người trong nước được nhờ, lập bia tụng công-đức; sau thăng chức thái-phổng-sứ đạo Lĩnh-nam ở Biện-châu, rồi vào kinh làm kinh-triệu-doãn. Bấy giờ đời vua Thần-Vũ, có việc với các nước di-dịch, tiết-độ-sứ ở Qua-sa là Vương Hoán-Tân bị thua chết. Vua bèn thăng Lư-sinh làm ngự-sử trung-thừa, lĩnh chức tiết-độ-sứ ở Lũng-hữu, đạo Hà-tây. Lư-sinh đánh tan được quân giặc, mở được cõi đất chia trăm dặm, đắp ba thành lớn. Để phòng chỗ sung-yếu, người Bộc-biên đều được nhờ,

khắc bia ghi công. Về triều bàn công, ân lễ rất hậu, thăng ngự-sử đại-phu, Lại-bộ thị-lang. Người cương-trực, nên phải tể-tướng bấy giờ ghen ghét, rao lời nói bậy, đến tai vua, bị giáng làm thư-sử Đoan-châu. Ba năm lại vờ về, thăng Hộ-bộ-thượng-thư, không bao lâu phong làm trung-thư thị-lang đồng trung-thư môn-hạ bình-chương-sự. Cùng với quan lệnh là Tiêu-Tung và quan thị-trung là Bùi-quang-Đình đều coi đại-chính. Mười năm gia-mưu mật-mệnh (mưu tốt và mệnh-lệnh bí-mật của vua), một ngày ba lần hiến thể (tâu việc xong rồi lại tâu bỏ đi), tự nhận là hiền-tướng. Các quan cùng hàng ghen - ghét mưu hại, bèn vu cho cùng với tướng giặc giao-kết, đề toan việc bắt - quĩ (chẳng đúng phép), vua truyền bỏ ngục: phủ-lại dẫn thuộc-hạ đến bắt rất gấp. Lư-sinh sợ-hãi vô-cùng, khóc bảo vợ con rằng: « Ta vốn người Sơn-đông, có vài thửa ruộng tốt đủ khỏi đói rét: việc gì cầu lộc mà nay khổ đến thế này? Nghĩ lại muốn mặc áo cừu ngắn, cưỡi ngựa thanh-câu, đi trên con đường Hàm-đan cũng không được nữa! » Bèn cầm dao, muốn tự-sát, nhưng vợ giằng ra. Sau có người giúp-đỡ tâu vua, Lư-sinh khỏi chết, ra làm quan mục ở Hoan-châu. Được vài năm vua biết là oan, lại khai phục làm trung-thư-lệnh, phong Triệu-quốc-công: ân - chỉ rất hậu, hiền - bách một thời. Sinh năm con, đều đỗ làm quan; thông gia đều là vọng-tộc, có cháu hơn mười người. Lư-sinh hai lần bị đày ra Lĩnh-biểu, hai lần được vào chỗ đỉnh-nại, ra vào trong ngoài, ngôi cao chốn đài-các, hơn ba-mươi năm công-nghiệp hiền-bách, đời bấy giờ không ai bì kịp; vua cho ruộng tốt, nhà cửa, người ngựa, không thể kể xiết. Mấy năm sau về già, thường xin cáo lão không được. Kịp khi bị bệnh, các quan đến hầu thăm chắt đường, các thầy thuốc đến chắt nhà. Khi sắp mất, dâng sớ rằng: « Tôi vốn là kẻ thư sinh ở Sơn-đông, lấy ruộng vườn làm vui,

tiền cơ gặp Thánh vận, được dư hàng quan, ơn vinh tột bậc, ra ngoài thì giữ cờ tiết - việt, vào trong thì ở ngôi đỉnh-phụ, chu toàn trong ngoài, kẻ đã nhiều năm tự thẹn không ích gì cho Thánh-hóa, như tới vợ sâu như giấy vàng mỏng, ngày biết một ngày, không biết già đã sắp đến. Nay tuổi ngoài 80, ngồi ở tam-công, như đồng-khố đã cạn, gân sức đều mỏi, đành phụ ơn sâu, vĩnh-từ Thánh-đại. Rất lấy làm cảm - kích, xin dâng biểu-tạ. » Vua ban tờ chiếu rằng: « Nhà người là bậc tuấn-đức làm nguyên-phụ cho trăm, ra giữ chốn Hùng-phiên, vào giúp ngôi thịnh-trị, thực nhà người giúp trăm nhiều. Nay nhân bị bệnh, tưởng ngày sẽ khỏi, ngờ đâu trăm trọng lâu thế! Nay sai Kiêu-kỵ đại-tướng-quân Cao-lực-sĩ, tới nhà hầu thăm. Người cố chăm-chính cho chóng khỏi. Trăm mong rằng không thuốc mà có tin mừng. » Tối hôm ấy mất, (từ đây trở lên là mộng cả). Lư-sinh vươn vai tỉnh dậy, thấy hầy còn nằm trong quán cạnh đường nhàn ông họ Lã ở bên cạnh, chủ nhân nấu nồi kê chưa chín. Thở dài mà nói rằng: « Há có phải là mộng chăng? » Ông họ Lã cười mà bảo rằng: « Việc ở đời này đều như thế cả! » Lư-sinh lấy làm buồn, giờ lâu ta nói rằng: « Ôi! cái số vinh nhục, cái lẽ đặc táng, cái tình tử-sinh, tôi đã biết hết. Ấy là tiên-sinh ngăn lòng dục cho tôi đấy: dám đâu chẳng thụ-giáo. » Lạy hai lạy rồi đi.

Nước nào cũng có những chuyện truyền kỳ nhuộm màu lịch-sử như hai chuyện trên kia: ai muốn biết căn-nguyên, xin xem quyển *La formation des légendes* của ông Arnold van Gennep, in trong bộ *Bibliothèque de philosophie scientifique*.

Ở trang 107, dưới chữ giới - kê, ông Lê-văn-Hòe cắt nghĩa kê « là mốc đá hình tròn ». Nên theo *Tà-nguyên* chữ là « hòn đá đứng một mình: vuông là bi (tức bia), tròn là kiệt (người ta thường đọc nhầm là kê); một nghĩa nữa là núi đứng một mình. »

Ứng-hóa NGUYỄN VĂN-TỐ

Bìa Văn-miếu

Nhưng ông nghề triều Lê

Số 28

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỔ

HAI ông đề điều khoa binh-tuất năm quang-thuận thứ bảy (1466) là ông Lê-cảnh-Huy và ông Nguyễn-như-Đồ

Ông Nguyễn-như-Đồ chép trong Tri-tân, số 28, trang 5, và số 47, trang 9.

Ông Lê-cảnh-Huy thì có chỗ chép là Lê-cảnh-Trung, như quyền Lê-triều lịch-khoa tiến-sĩ đề danh bi-ký của Cao-Viên-trai, sách viết của Bác-cổ, số A 109, tờ 16b. Trên mặt bìa Văn-Miếu thì khắc là Lê-cảnh-Huy. Ông là người huyện Lôi-Dương. Đầu năm Diên-ninh 1454 sang Tàu cầu-phong. Đầu năm Hồng-Đức (1470) thăng Hộ-bộ thượng-thư. Phụng-mệnh định cách thức bản-đồ và thư-khế. Rồi thăng Thái-phó Kiến-quận-công chép theo Đại-Nam nhất thống chí sách viết của Bác-cổ số A 69 quyền Thanh-hóa, tờ 48b. « Tháng chạp năm Quang-thuận thứ nhất 1460, vua Lê-Thánh-Tôn (1460-1497) dụ quần-thần rằng : « Lũ Lê-cảnh-Huy, Nguyễn-như-Đồ, Phạm-Du đều là người a-dua cầu-thả : ra chốn triều-đình mà bàn-luận, thì ngồi im không nói ! Dug có lũ Nguyễn-Mậu, Trần-Thốc, Nguyễn-Thiện là người ưu-quán ái-quốc, gặp việc gì nói hết, nên hôm nọ Nguyễn-Mậu nói việc không thực, mà trăm cũng không bắt tội : vì Nguyễn-Mậu là người hay nói thẳng nên trăm ban cho cái đặc-án ấy. » (chép ở Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục, quyền 19, tờ 15a.) Mùa hạ tháng tư năm Quang-thuận thứ sáu 1465, Ty binh viện thượng-thư Lê-cảnh-Huy tâu : Phạm quan ngoại-tĩnh can tội, nếu tội nhẹ thì tư ra cho biết bắt cung rõ ràng, đưa về định

nghĩ ; nếu là tội nặng, phải tâu vua nghe mới được bắt về xét. Vua nghe theo » chép ở Việt-sử cương-mục, quyền 19, tờ 32b.

Hai ông đề điều thi thế. Còn ông Giám-thế là ông Trần-Bàn. Cờ thực ra thì trên mặt bìa văn-miếu trông không rõ tên Quyền Lê-triều tiến-sĩ đề danh bi-ký. (sách viết của Bác-cổ, số A 109, tờ 16b viết là Trần-Bích. Chữ Bích với chữ Bàn viết hơi giống nhau. Nhưng sử không thấy chép Trần-Bích, chỉ chép Trần-Bàn như sau này : « Người Từ-sơn, Quế dương ; đỗ đồng tiến-sĩ khoa nhâm-tuất năm Đại-bảo thứ ba 1442 ; làm quan đến Đông-các-đại-học-sĩ, ngự-sử đại-phu. Năm Quang-Thuận thứ ba 1462, vua Lê-Thánh-Tôn sai Lê-công-Lộ sang nhà Minh tạ về việc du tế, Trần-Bàn tâu việc tấu sự. » chép theo Đăng khoa lục, quyền 1, tờ 5b, và Việt-sử cương-mục, quyền 19, tờ 23a-b.

Ba ông đọc quyền khoa binh-tuất 1466 là ông Nguyễn-Trực, Nguyễn-cư-Đạo và Vũ-vĩnh-Trình

Nguyễn-Trực xem Tri-tân số 28, trang 5, tên tự là Công-đĩnh, người làng Bối-khe, huyện Thanh-oai, con ông Thi-Trung. Năm 18 tuổi thì hương đỗ thứ nhì. Năm 26 tuổi đỗ trạng-nguyên khoa Nhâm-tuất hiệu Đại-Bảo thứ ba, 1442 đời Lê-Nhân-Tôn (1452-1459). Bồi làm Hàn-lâm trực-học-sĩ, thăng chức An-phủ-sứ ở lộ Nam-sách-thượng, rồi thăng thị-giảng. Năm Thái-hòa thứ ba 1445 thăng trung thư thị-lang. Trong năm Diên-ninh 1454-1459 nhà Minh sai sứ là Hoàng-Gián sang nước ta. Nguyễn-Trực làm những bài thơ-từ đi lại, và bài biểu-mừng vua Tàu lên ngôi

Hoàng-Gián khen nước ta có người giỏi, Khi về có làm 14 vắn thơ lưu biệt. Nguyễn-Trực vâng mệnh họa ngay : Vua Nhân-Tôn lại càng hậu đãi, sai Trung-sứ Đồ-họa-cục tới vẽ tượng ông, treo ở tả-hữu và tự tay viết bốn chữ « Bối-khe-biệt-thư ông treo ở tư-đường. Ông thăng Hàn-lâm-viện học-sĩ, rồi đến năm đầu hiệu Quang-thuận 1460, vua vời về giữ chức Trung-thư-lệnh, đại việc tam-quán. Năm thứ bảy 1466 vì có tấu xin về Tây-sơn thảo cương, vua không cho, ông có bài thơ rằng :

« Bệnh thừa ân-chiếu hứa lưu kinh.

« Qui-kế như kim nhất vị thành
« Hà nhật Tây-sơn sơn hạ lộ ?

« Soa-y tiều-lạp khán xuân canh, »

Nghĩa là : Có bệnh mà được ân chiếu ở kinh, như thế thì là kế xin về từ nay không thành. Bao giờ được đi về con đường dưới núi Tây-Sơn, mặc áo tôi đội nón nhỏ xem dân cấy trong buổi mùa xuân ?

Lại có một bài thơ nữa như thế này :

« Đại-dinh tăng đối tam thiên sách,

« Phai-thế hư kinh ngũ thập niên

« Bất thị vô tâm lai cấm-sảnh,
« Chỉ nhân đa bệnh ức điền viên »

Nghĩa là : Chốn đại-dinh từng đối đáp đến ba nghìn kể. Cái hư danh ở trên đời như mây nổi, đến 50 năm mới dạt mình tỉnh dậy. Chẳng phải là không có lòng đến cấm-sảnh, chỉ vì nhiều bệnh nên nhớ chốn điền-viên.

Năm Hồng-đức thứ nhất (1470) vua Lê-Thánh-Tôn 1460-1497 đi đánh Chiêm-thành Champa ; phạm chiếu, sắc, chế, cáo, xá-văn, hạ-biêu, đều tay ông Nguyễn-Trực soạn cả.

Ông sai học trò chép những bài cổ-kim, tứ-lục, kinh nghĩa của ông làm ra, đề là Ngu-nhân-lập ; có tập đề là Kinh nghĩa biện biên tập. San gồm cả lại là Vu-liên-tập. Xem tiếp trang 14

Tài-liệu đề đình-chính những bài văn cổ...

Số 32

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TÔ

CXI

Văn tế vợ của chức vô
phân-xuất huyện Nam-chân
(Bài nổi) (1)

NGỜ nên nổi chiếc đơn gối nệm,
mà phận nhỡ nhàng luống
chịu, bàn hơn vui ít để buồn
nhiều, thì trước dùng dan-diu chỉ tơ,
kéo công gáy dựng chưa cam, thêm
lệ xấu đều hơn tốt lỗi. Sự chi thường
xiết kể lẽ cũng vui điều dĩ vãng lo
bàn may với rủi. Gấm lại đã dành
cho kẻ khuất, tuy chưa non-bồng hay
nước nhược, song trần ai từ đây đã
không rồi; suy ra khi hồ chát người
són, há rằng mê nẻo lợi với đường
danh, mà thành thị buổi này thêm
ngán nổi. Tái cơm giá áo, ngồi đứng
bẽ-bàng; cửa mốc sân rêu, ra vào
lủi thủi. Buồng xuân cũ ong đồn
bướm già, phát-phơ trước liêu yếm
năm ngời; ngón cầm xưa hạc ủ loan
ngậy, khắc khoải trong sương quện
trật mối. Ngọn đèn hủ - thảo giống
bên tường, tay lưới thanh tràng dăng
trước suối. Lều dợn thể mới yên chòm
bích-thảo, chớ chi cái khách trước
rèm kêu; gối da-tiền vừa chớp thấy
thanh-y, thì đã con oanh đầu nãi
gọi. Cảnh tiêu - tao người thấy cảnh
rầu rầu, người thể-thảm cảnh chiều
người giới - giới. Nương gối mong
tim trong giấc bướm, bướm ngẩn-ngơ
mà người đã thăm-thẳm, ngao-ngán
nhẽ! Sương thì tiền, mây thì tán,
hoa thì rụng, nguyệt thì tà: dở quơn
muốn hỏi dưới hồn loan, loan ẻ
mà bóng đề mờ - mờ bát-ngát hay!
Hương đề mốc, phấn đề meo, sấm
đề long, tranh đề bại.

Thôi thì thôi! Chầu rơi rớt bẽ,
phẳng-lặng khôn dò; sao lần đờ giới
mặt-mà dễ bói. Trám ngọc phải đường
kêu thỏ quốc, dẫu bẽ kia sấm mây
trượng cũng liêu; bút son có nhệ giới

Thiên-tào, thì mệnh ấy phông trâm
quan cũng đời. Vì tác-nhân còn ngại
chút chưa dành; nhưng trần thế có
thống chi xá khỏi. Phần vì dục cao
dây cảm đối nợ anh còn chịu dấy
chưa đến xong; phần vì tình trượng
nước đeo mang, dẫu em để lại cho
nào dứt khỏi. Chữ rồ-duyên cam
trước đã thẹn - thỏ, của hữu-đức
tưởng sau càng mong-mỏi. Dây củ
cát gáy nên sẵn xị san hương, dành
cầm nghĩa ngoài mười năm ân-ái,
chời hoa nở tựa bên màn thấp-thoảng,
những sương gieo vì chút phận muộn
màng; đoá chi-lan để lại vun sương
bón tay, dám xứng tình trong chín
chữ củ-lao, giọt máu rơi còn trong
đống u-ơ, hầy chằm - chát để nên
ngày son-sôi. Đã cạy Hoàng-thiên có
mặt, gương nghĩa ngấm lâu dài; xá
thà Nguyệt lão đang tay, tơ duyên
xe trật mối. Kiếp ấy dù quên hay
nhớ, sum-hợp bấy nhiều năm trước,
quãng bán-đỗ mà nước chảy hoa trôi;
giếng kia đã khuyết lại tròn, ước ao
trăm nghìn tuổi về sau, chữ đồng
huyết lại vàng tương đồ chói. Rày
nhân đường đạo vịn lẽ, lẽ nhà theo
thói. Giếng ngọc giếng thường tuôn
thắm, xuống mặt phép trông bóng
Triệu phát-phơ; hien tây gió cuốn
thời sấm, lên tai ngại lắng ca cao 2
ánh ỏi. Khúc bi-ai đàn-dục thấp như
đàn, hàng thắm - thiết dòng dòng
tuôn ngời sấm. Hương - hân có vẻ
đây chẳng có, hay vắn-vơ bên chiếu
những mơ-màng; tàn-cốt còn để dấy
cũng như còn, nầy bao nả cùng anh
cho gần gọi. Trám vàng bội ngọc
tưởng dăm - dăm; giếng bạc giới
xanh tình giới-g ỏi. Ai oán nhẽ! Ấn
tình bao giá được, càng buổi ấy hẳn
còn thông buổi khác, hầy cho trong
bát nước mảnh gương; thế: hầy thay
lẽ nghĩa kiếp con này, bao khi nầy
nào biết hầy khi nầy, gọi là chút

lưng rau đĩa muối. Ngập ngừng còn
hở với quan chêm, ay-náy những
thẹn trong dầy đối. Bị thiết chữ
«nhất thốn tâm, thiên vạn cổ» 3,
hương-đăng một nén rã đôi hàng;
cầm cảnh của «tam xích thỏ, bách
niên phần» 4, chỉ-thảo ba hàng đưa
sớm sổi.

Trích ở quyển L4-ngữ văn tập,
sách viết bằng chữ nôm của Trương
Bác-cổ số AB 166, tờ 6b-11a.

CXII

Vịnh khánh-vân thi

thơ của Trinh-Cần, 1682-1709
Thấy đã gồm được khi viên linh,
Bồ-ngữ tường quang vận thái - ninh.
Mau rở kim-kiều phở sặc-sỡ,
Thế khoe phượng chủ tổ rành-rành.
Trên phở vàng ngọc phong-dở lạ,
Dưới ánh doanh quện liếc vẻ thanh.
Phỉ xứng ai ai lòng ngưỡng vọng,
Mừng vui khá sánh thuở khang thành
Trích ở quyển Ngữ-dề Thiên-hóa
doanh bách vịnh, sách viết bằng chữ
nôm của Trương Bác-cổ, số AB 544,
tờ 28a.

CXIII

Vịnh thái-bình thi

thơ của Trinh-Cần, 1682-1709
Thiên thụ lâu-lâu tiết thịnh minh,
Ấy diêm đại tự phỉ nhân-linh.
Dân an tở-nghiệp vầy ơn khắp,
Bề bất tiếm-giao bởi chính lành.
Giang hán thơ ngấm mừng cảnh vận,
Phả ẻ khúc dựng lộ cu oanh.
Thên-thểng đường tía cùng hoan lạc,
Cửa-hạ ai chẳng ngại cửa thánh.
Trích ở quyển Ngữ-dề Thiên - hóa-
doanh bách vịnh, sách viết bằng chữ
nôm của Trương Bác-cổ, số AB 544,
tờ 28a-b.

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TÔ

1. Những bài nôm đăng ký này
chưa ai in ra quốc-ngữ.
2. Bài ca Cao là bài Cao lý, tức là
khúc hát viếng của đời xưa. Nó
người ta chót hôn-phách về cao-ly
chép theo 14 nguyên, quyển thân,
trang 71,
3. « Một tức lòng, nghĩa muôn
năm».
4. « Bà thược đất là năm trăm
năm»

NHỮNG bếp ấy của ai thì người ấy dùng riêng; người ngoài không được đun nấu lẫn lộn.

Đi hết dãy buồng này, đến ngăn thứ ba. Ngăn này dành riêng cho gia-đình người trưởng-tộc hay trưởng-đoàn, cũng chia làm nhiều buồng quây kín bằng phên nửa. Có nhiều bếp để dành riêng cho người ngoài dùng, còn phía bên kia thì đặt một cái ghế dài, bên dưới cửa sổ lại có một hàng chim nứa,

Sau hết đến phần sân phía cuối nhà để lộ thiên, cũng gần bằng phần sân phía trước.

Những đàn bà Rhadée họ ngồi tuổi chẵn đặt cũi ở đó, trong lúc mát giới. Khung cũi rất đơn-sơ, để ngay ở trên lòng; họ buộc một đầu chỉ vào cột nhà, hoặc vật gì nặng. Còn đầu gò khỏ thì đặt ở trên đầu gối. Hai tay đưa thoi trông rất nhẹ-nhàng êm-ái. Coi bộ nhiều cô cũng có vẻ xinh xinh khá ai.

Họ đương làm việc, thấy tôi là người lạ cùng vào với ông giáo, thì họ lấy làm quý hóa, thì-thào nói nhỏ cùng nhau, rồi cười ồ lên một lúc. Có một cô bạo dạn tới gần, mân-mê cái thước cuộn bằng sắt và cái thermos đựng nước của tôi. Tiện dịp, tôi rót luôn một cốc nước mời cô. Cô không ngần-ngạ, uống luôn, rồi cười nói tự-nhiên. Viên giáo-học thông-ngôn cho tôi biết là cô rất yêu người Kinh như tôi, giá được đi mang cái cặp này (cô chỉ vào cái cặp) thì thích lắm. Tôi cũng theo lối xã-giao cảm ơn và quý hóa cô lắm, nhưng tiếc rằng không thể chiều ý cô được!

Bên cạnh cáo cô có để một đồng quả bầu già, buộc thành từng chùm phớt sáo bày quả, trên đầu dút

nút kín. Những bầu ấy đựng đầy nước lá dùng để nấu cơm ăn.

Ra đến cuối sân lại có cái thang bằng thân cây gỗ dựng đứng, có bậc để xuống.

Thang này chạm-trổ đơn-sơ hơn thang đồng trước, Xuống hết thang, tôi còn nhận thấy ở dưới gầm sân, nuôi nhiều gà, vịt, chó, lợn đầy hăm, ruồi muỗi bay tứ tung, mùi hôi không sao chịu nổi. Chẳng biết họ ở quen thì ra thế nào, chứ đối với tôi, tôi khi lấy xong cái kiệu nhà đó ra về, tôi lấy làm thoát nạn.

Ra đến hết sân, tôi còn nhận thấy một cái bàn thờ lập ở trên bốn thân cây, cao độ ba thước, trên lát một cái phên vuông, có để một cái thú trâu còn dính máu, ruồi nhặng bám đầy tôi tự hỏi họ để cúng ai ở đó.

Công việc đã xong, lúc bấy giờ giờ đã xế chiều. Vừa gặp đàn voi của cáo người đi rừng về qua, viên giáo học mời tôi cùng cưỡi voi về cho đỡ mệt. Ngồi trên bành voi bằng mây ken lại có mỹ-thuật mà êm-ôm, tôi có cảm tưởng như tôi, lính của bà Trưng, bà Triệu xưa cưỡi voi ra trận đã đắc-thắng quay về...

Xuống voi rồi, tôi không quên tặng mỗi người Mọi một chiếc thuốc và một cái bắt tay: coi bộ họ lấy làm hân-hạnh lắm.

Ở Ban-mê-thuật làm việc được năm hôm, tôi đã thấy mỗi một khó chịu vì trời nắng như thiêu, khí hậu nóng nực; Vén tay áo lên thì kia đường biên giới ở cổ tay chia đôi, phía đen, trắng!

Chiều đến, lại thấy mình đã ngầy ngầy sốt, nên giáo-sư N. cố gắng làm việc cho xong, để kịp đi

Lưu-ký

BAN-MÊ-THUẬT

Số 3

của Biệt-lam TRẦN HUY-BÁ

Le-Lac nghỉ mát vào ngày chủ nhật.

Hôm nay, thứ bảy nghỉ ở nhà trọ, tôi ra phố chợ sắm sửa một vài thứ cần dùng, nhất là bao diêm.

Tiện dịp, tôi vào hiệu ảnh chụp một bức ảnh để làm kỷ-niệm, rồi đến mấy nhà ông bạn mới quen, để từ biệt ngày mai khởi hành thật sớm.

cùng người lính Mọi đương đứng chờ. Sau khi thu-xếp xong-xuôi, xe bắt đầu chạy theo con đường hàng tỉnh số 194 dài 56 cây số. Tuy không lên thác xuống ghềnh, nhưng cũng phải qua rừng, qua núi. Đường mấp-mô, nên xe chỉ chạy độ 40 cây số một giờ. Tới một nơi rừng rậm, thấy đàn công ra ăn giữa đường, giáo-sư N vội bảo hãm xe để bắn; nhưng đàn

phong cảnh đẹp như bức tranh sơn thủy của nhà họa-sĩ khéo vẽ vời. Xa trông làn nước mênh-mông sóng gợn lăn-lăn, dưới đây núi trập-trùng xanh biếc, thỉnh-thoảng lại điểm một cánh bướm thuyền đánh cá tựa như lơ-lửng, cảm thảng từ nửa giờ với mặt nước, không phân-biệt gì nhau. Lại thêm một lũ vịt giới bay đi liệng lại, làm cho tôi mê-một ngẩn hoải. Bấy giờ trong mình khoan khoái, sự nóng-nảy nhọt-mệt ở dọc đường đã tiêu-tán đi đâu hết cả. Trong lúc đương hứng thú, giáo-sư N. liền chụp mấy tấm ảnh để làm kỷ-niệm. Tới buổi trưa, dùng cơm ở đó.

Qua 2 giờ chiều, tôi cùng một người lính Mọi đi tới Mébac là làng của giống người Mnông-Gars, để lấy một vài kiệu nhà của họ. Những nhà của giống người này, còn sù-sửa hơn của người Rhadée nhiều lắm: bề dài độ 15 thước, bề ngang độ 5 thước, cách kiến-trúc cũng đại-khác như nhà của người Rhadée. Bên trong đồ-lễ bày-đặt cũng tương-tự như thế. Chỉ khác là mỗi nhà họ có làm riêng, một cái nhà kho nho-nhỏ ở phía tay phải để chứa thóc. Bên dưới kho thóc, họ nuôi gà, vịt, nhưng cách xa nhà-cửa họ ở, nên cũng đỡ phần hôi-hám. Ở đây họ hay làm những cái ống tre, tựa như ống quyền của ta. Ngoài vỏ, họ lấy dao trở gọt nhưng nét nhỏ, đủ hình tam giác, hoa thị, quân cờ, giống vật, coi rất ngộ-nghĩnh.

Tới đây, tôi mới biết điểm rất

hà nghỉ mát của vua Bảo-đại mới dựng lên trên một trái núi đất khá cao, trước mặt trông ngay ra hồ. Thực là một cảnh Bồng-lai gió mát như đàn, bóng râm êm ái,

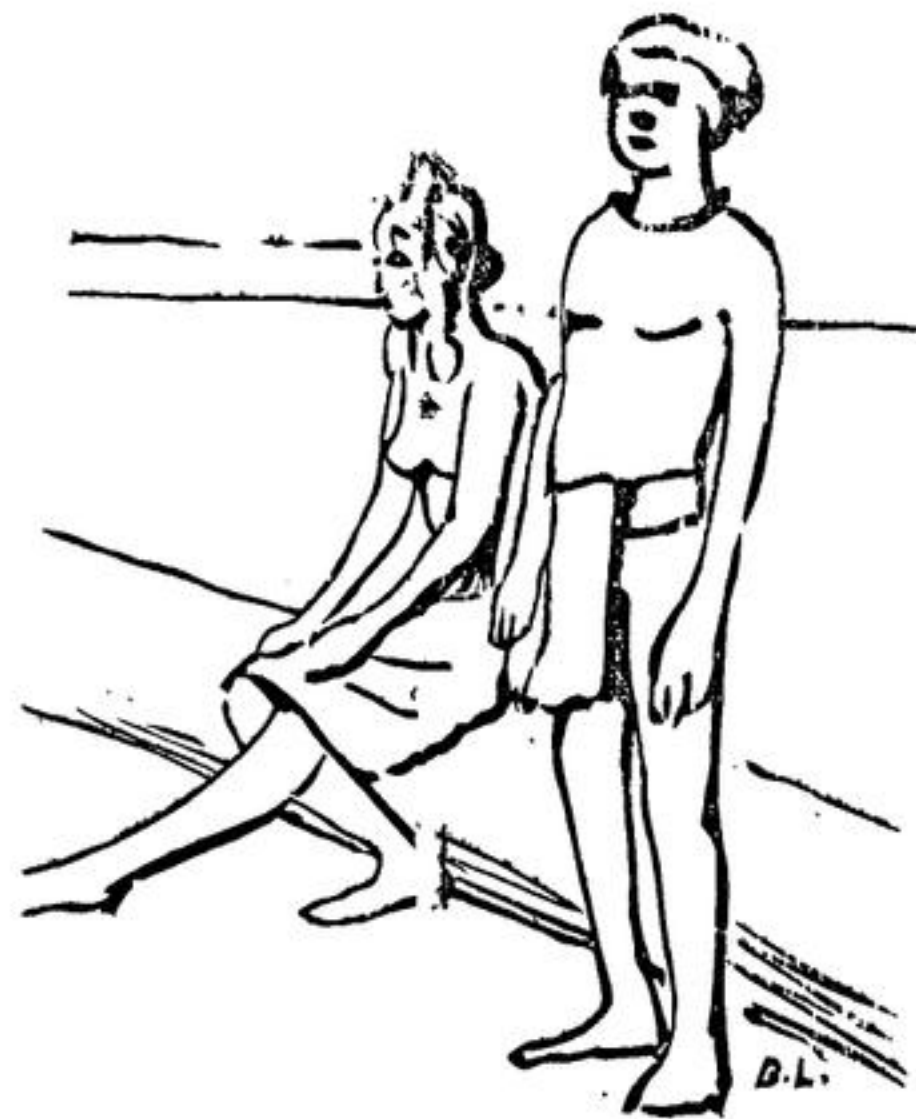
cần đúng trông lúc này. Tôi mang theo hơn trăm bao diêm mà phân-phát hết, vì họ được một bao diêm lấy làm quý-hóa và sung-sướng lắm. Khi tôi ra về, họ đem tặng một ít trứng gà.

Đêm nay được nghỉ ở nhà « Thừa lương ». Nhờ dư-huệ của nhà vua, tôi được mát-mẻ. Từ hôm tới xư này nay mới được một đêm ngủ khỏe sáng ra người rất khoan-khoái.

Vào khoảng 7 giờ đã thấy giáo-sư N. tới phòng tôi niềm nở hỏi thăm khởi-cơ và tỏ ý muốn lưu lại ở đây ít hôm để hưởng thú mát, song ngặt vì thi - giờ cấp-bách, nên lại sẽ phải cùng tôi đi vào hăm lửa, chỗ có lẽ còn nóng hơn ở Ban-Mê-thuật nhiều. Rồi giáo-sư yên-úi tôi đừng ngại về, chỉ ở đó vài hôm rồi đi Dalat. Đoạn giáo - sư về phòng thu - xếp. Một lúc lâu, thấy ông Đồn tự vận lái xe tới đón chúng tôi, để đi Ban-Péco, đường dài hơn 50 cây số. Khi xe đi đến nửa đường, gặp đàn công đương ăn ở khu rừng mới đốt xong, ông Đồn vội vào súng bắn đánh « đoàng » một phát. Rồi ông rúo một hồi còi inh-ỏi.

Trong năm phút, đã thấy đàn Mọi ở gần đấy kéo ra, kẻ mang trứng, người mang hoa quả, tập-nập dâng lên. Ông Đồn cùng giáo-sư N. phân-phát cho mỗi người một một bao diêm và một chiếc thước lá, rồi nói tiếng mọi cho họ biết nơi công bị đạn. Họ đi lung một lúc, đã thấy xạch về hai con công lớn. Tôi tự nghĩ: Nhà vô bắn súng vẫn gói hơn nhà văn nhiều!

Nghỉ một lúc, rồi xe lại chạy hoài. Khi đến gần trạm Péco, thì nổi một hồi kèn báo hiệu. Xe vừa dừng bành, đã thấy cáo người mọi Mnông-Lach, cùng viên giáo-học Mọi với lũ học trò, nhắt loạt



Hai vợ chồng người mọi

Sáng chủ-nhật, mới hơn 4 giờ, đã thấy báo tải đánh ô-tô lại trước nhà tôi. Tôi vội xếp hành-lý rồi phóng xe đến ngõ sở của giáo-sư N. Đến nơi, đã thấy giáo-sư

công tình quá! đã xô cất đánh bay cao!

Xe lại từ từ đi mãi đến gần 7 giờ, thì đến Poste le Lao Lính đồn đương chào và mời vào giải khát ở

đều đóng khố, đứng sắp hàng chào. Sau khi được ông Đồn ủy-lạo vài câu, họ đều giải-tán. Ông Đồn đi khám xét trong trạm một hồi lâu, rồi từ biệt chúng tôi, ông không quên tặng một con công lớn để chúng tôi làm món ăn chiều. Sau khi ông Đồn về, chúng tôi vội bắt tay vào việc.

Chiều hôm ấy, chúng tôi ăn cơm và nghỉ ở nhà trạm Pécô. Món ăn thêm được thịt công rất thú : con công vừa béo vừa non, nên lạ miệng lại càng thêm ngon. Đêm ấy ngủ ở nhà sàn. Tuy giờ nóng - bức, nhưng cũng còn dễ chịu hơn ở Ban-mê-thuật nhiều.

Sáng hôm nay, đến nhà người Mọi Mông-Lach gần đây để lấy kiệu nhà. Có đến ba bốn cái nhà giống Mọi khác là ở đây họ làm nhà ngay sát đất, như lối nhà người nam ta, bề dài độ 30 thước, ngang độ 5, 6, thước. Hai đầu hồi nhà làm tròn như hai mũi thuyền. Cửa chính ra vào, họ mở về mặt ngang nhà, như kiệu nhà ta.

Suốt chiều dọc giữa nhà, ngang độ non hai thước, họ làm bực (grenier) để chứa thóc. Bực cao hơn mặt đất độ 1m50. Cứ mỗi gian dài hơn hai thước, họ đặt một cái bếp ngay ở dưới gầm bực thóc. Khói bếp bốc lên bực thóc đen sì. Thóc để ở trên, được khô ròn không bị một.

Dưới đất suốt phía dọc trong nhà họ làm sàn để ngủ. Sàn ấy cách mặt đất chừng hai mươi phân. Phía trong giáp vách nữa, họ cũng xếp một hàng chum xanh vàng nhỏ.

Mái nhà họ lợp bằng gianh, xung-quanh vách quây bằng phên nữa.

Trước cửa nhà về phía tay trái, họ làm chuồng nuôi gà, vịt lợn, trâu. Họ thường dựng trước nhà một cây bương thẳng rất cao, trên đầu cắm cành lá tựa lá cây thiên-tuế. Thân cây bương, họ sơn đỏ, đen và trắng vẽ các hình coi rất ngộ-nghe. Dưới gốc cây

bương ấy, họ để một cái cốc tròn bằng thân khúc gỗ, dùng để dã gạo. Họ đổ thóc vào mà dã, khi sảy hết vỏ thóc, thì đổ ra sàng, nên họ toàn ăn gạo lịch.

Họ thích tắm luôn : cứ chiều chiều, già, trẻ, nhớn, bé đều trần-trụi lội xuống khúc sông Krông-kno để tắm tự - nhiên.

Giữa giòng sông, nước suối chảy luôn qua khe đá, cuộn cuộn như reo. Khi gặp những hòn đá chắn ngang ; ngọn nước vọt tung, bắn ra tủa-tủa, coi rất đẹp mắt. Họ đùa nghịch nhau có vẻ tinh-tử nên thơ !

Giáo - sư cùng tôi cũng dự một chầu tắm ở suối này : nước trong và mát. Chúng tôi vui thích !

Ở đó vài hôm, thì gặp dịp quan Khâm - sứ Graffeuil đi kinh-lý miền Mọi vừa qua. Vì đã có thư báo trước, nên quan Công-sứ Dalat cho đánh theo một cái xe không lên đón chúng tôi. Sau khi quan - khách dùng cơm trưa ở trạm Pécô rồi, đoàn xe bốn cái, từ biệt làng Mọi, thông-dong chạy về Dalat Đường dài hơn 50 cây số, nhưng cũng dễ đi.

5 giờ chiều, chúng tôi đã tới nơi nghỉ mát của tỉnh Haut Donnai. Nơi nghỉ mát đây tưởng không phải nói, chầy các độ-giá cũng đã rõ nhều rồi !...

Nghỉ ở Dalat vài hôm, tôi phải từ biệt giáo-sư N. để về qua Huế, lấy kiệu mấy con voi chầu.

Công việc xong-xuôi. Khi về tới Hanoi, tôi ở trên xe hỏa bước xuống với một sự ngạc-nhiên của mọi người quen - thuộc ra đón : nước da tôi đen đui và người tôi sứt đi nhiều. Ấy là tôi đã được nghỉ ngơi, nhều chạng mà còn thế đó !

Ban-mê-thuật, nó đã cho tôi nhớ mãi không quên ! Thiên Lữ-ký này tạm để chừa ít kỷ-niệm chim hồng in móng.

(Hết)

Biệt-Lam TRẦN HUY - BẠ

Bia Văn - miêu

Tiếp theo trang 10

(đọc là Suu-liên tập-cũng được ; có sách chép là Văn-liên tập).

Nhà ở Phượng-thành, có ao, có cây đẹp-đẽ xanh tốt, có biển đề chữ « Hoán-tích đình ». Vua Lê Thánh-Tôn mỗi khi đi đến chơi, đem tập Thiên-nam dư-hạ bảo ông ph ẫn.

Năm Hồng đức thứ tư 1473 ; thăng Han - lâm thừa-chỉ, kiêm Quốc-tử-giám tế - tửu. Khi mất, vua sai lập từ đường ở Ninh sơn, làng Ngô-sài.

Con là Lực làm đồng tri phủ ở Thao giang ; con là Triệt lấy chân nho sinh được bổ huyện thừa, đặc thăng lục sự, dần dần thăng Lại bộ hữu thượng thư, Đôn tĩnh Thái thường thiếu khanh.

Ông Thân nhân Trung làm bài hành trạng về ông Trục, có câu : « Khai quốc trạng nguyên, văn chương vẻ vang trong nước, nổi tiếng một đời. Triều vua nào cũng được vua yêu chuộng, giữ việc văn hành, ở ngôi quán các, mà là người khiêm tốn, trước sau vẹn toàn ».

Có sáu bài thơ cận thể còn chép trong Toàn việt thi lục của ông Lê quý Đôn : bài thứ nhất đề là Phẫm chu chơi thuyền, bài thứ hai đề là Cực lạc tự đề chùa Cực lạc, bài thứ ba đề là Đăng Hương lộ sơn tự lên chùa núi Hương lộ, bài thứ tư đề là Ngẫu thành tình cờ làm chơi, tức là bài thơ xin về Táy sơn thảo đường dưỡng lão, đã dịch trên kia, bài thứ năm là Đề Quý phi..., bài thứ sáu là Bình tuất ngẫu thành (Ngâm chơi trong năm bình tuất, Quang thuận thứ bảy, 1466, đã dịch trên kia chép theo quyển Toàn việt thi lục, sách viết của Bác-cổ, số A 1262, quyển 10, tờ 6 a-8a).

Còn nữa

Ứng học NGUYỄN VĂN-1 Ồ

THỦ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

Số 30

Về đời văn-học của vua Trần-Thánh-Tông, 1258-1278, cứ theo như sử sách đã chép, thì ngài góp vào công-cuộc văn-hóa chung của nước Đại-Việt không phải không nhiều. Tiếc rằng trải qua bao cuộc biến-thiên, tờ tàn mảnh vụn chỉ cho ta thấy được chút ít di văn của bậc vĩ-nhân ấy!

Trong *Toàn-Việt thi tập* chép ngài còn được năm bài thơ *cận-thể*:

1. Văn Thiếu-bảo Trần-Trọng-Trưng
2. Hạnh An-bang phủ
3. Đề Huyền-thiên động
4. Hạ-cảnh
5. Cung viên xuân nhật ức cự

Trong *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* quyển 7, tờ 16a chép năm giáp-tuất, niên-hiệu Bảo-phủ thứ hai, 1274, vua Trần-Thánh có làm được hai quyển « *Di hậu lục* ». Cùng trang sử ấy, sử-thần có chừa ở lời « chú » rằng: « kim thất truyền ». Nghĩa là tập « *Di hậu lục* » ấy nay không còn nữa.

Trong *Đại-Việt sử-ký toàn thư*, quyển 5, tờ 58, chép năm kỷ-sửu, niên-hiệu Trưng-hưng thứ năm, 1289, sau khi quét sạch giặc Mông-ô, Thượng-hoàng, tức vua Trần-Thánh, ngự chơi Thiên-trường hành-cung, cảm vì trải qua hai trận đại chiến, có làm ra một bài thơ chữ hám tám câu năm vần. Nguyên-văn bài thơ ấy có in trong trang sử ấy về, hiện nay, có khắc vào một bức hoành treo thờ ở đền Túc-mặc thuộc tỉnh Nam-định.

Trong *Thánh-đăng thực lục* chép vua Trần-Thánh có những văn-phẩm này:

1. Văn tập
2. Thiên-tông liên ngộ ca
3. Chỉ-giá minh
4. Phóng ngư
5. Đại-minh lục (?)

Ngoài ra, sách *Thánh-đăng thực lục*

còn chép tám bài thơ của ngài, nói về thiền-chỉ và ít câu giải-đáp về đạo Phật nữa.

Như vậy, vua Trần-Thánh không phải không giàu về mặt văn-học.

Nay muốn biết rõ về văn-chương tư-tưởng của ngài, chúng ta phải qua những bài di văn ấy mà xét mới được.

Trước hết hãy nhìn về phương-diện văn-chương:

Trong bài « *Hạ cảnh* », ngài tả cái cảnh êm-đềm nên thơ của ngày hè trong chốn hoa đường, hoa sen thơm, gió bắc mát, khiến người sống trong cảnh ấy, đối với thời-gian, tưởng như dằng-dặc dài ghê...

Hai câu sau này, tác-giả đã đi sâu vào nghệ-thuật:

« *Viễn-lâm, vũ quá, lục thành ác. Tam lưỡng thiên thanh nào tịch-dương...* »

DỊCH

Trải mưa, vườn-dược, màn xanh rủ. Vài tiếng ve kêu rộn ánh tà!

Xuân đến, đem hương sắc dệt thành thơ mộng trải khắp vườn hoa trong cung cấm. Trước cảnh khêu tình gọi tứ ấy, ngài lòng riêng chạnh cảm, nhớ đến tình xưa:

« *Không môn bán gấm kính s nh đài, Bạch trúa trầm trầm, thiên vãng lai! Vạn tử, thiên hồng, không lạn-mạn. Xuân hoa như hũ, vị thùi khai!* »

(Cung viên xuân nhật ức cự)

DỊCH

Cửa không, hồ khép, lối dầy rêu! Lìm lìm ngày xuân, ít tới lại.

Muốn tía, nghìn hồng đua rực rỡ... Hoa xuân đường ấy nở vì ai!

Cứ mấy câu ấy để làm lẽ, đủ biết văn thơ của vị anh-hùng hoằng-đế kia không phải chỉ chú-trọng về ý thôi đâu, nhưng cũng khéo giũa gọt và thôn-thỏa cho thành những lời goa gấm nữa.

Nhưng, không ngờ bên những áng văn

mỹ-miệu, đẹp-đẽ, bay-bướm, nhẹ-nhàng ấy, ngài lại có những bài dùng hình-thức văn vần mà diễn-đạt những tư-tưởng sâu thâm về tôn giáo, về triết-học.

Phải, ngài là một nhà thuần-lý tôn-giáo. Sau 21 năm tri-vị, ngài nhường ngôi cho vua Trần Nhân, xuất gia đến ở tại chùa Tư-phúc ở Côn-sơn thuộc Hải-dương.

Tạo Trúc-lâm Đại-đăng quốc sư làm thầy, ngài cũng thể-phát như các nhà tu-hành khác. Tự hiệu là « Vô-nhi thượng nhân », ngài hằng ngày thường hay đàm-đạo với các thiền khách, đi sâu vào nơi ảo-diện của nhà Thiền.

Bây giờ ta thử xét ngài về phương-diện triết-lý qua mấy bài thơ về Phật-học:

Ngài lấy những sự-vật bề ngoài dễ bắt nghĩa về *tĩnh* và *động* là những vấn đề mà xưa kia nhiều nhà triết-học Đông-phương vẫn đề tâm nghiên-cứu.

Ngài ví: « *Động* » như tiếng gió vi-vu trong cái hang núi; « *Tĩnh* » như ánh sáng trắng rõ xuống mặt đầm lạnh lẽo im tờ;

« *Động như không cốc phong sao hưởng;*

Tĩnh như ngọc hàn đàm nguyệt lậu minh. »

Toàn văn bài thơ này chép trong *Đại-minh lục*.

Ngài giữ được cái chân tướng, cái bản sắc của bậc đại-nhân, tức như cái khí hạo-nhiên mà thầy Mạnh-tử đã đề-xướng. Nó không dôi vì bản-tiện, không dâm vì phú-quí, không khuất vì uy-võ. Một khi giữ được cái chân diện-mục ấy, trong bụng người ta, bất cứ ở vào lúc nào, gặp cảnh ngộ nào, cũng được thanh thản thư-sướng. Vì vậy một trong năm bài « tự-thuật », ngài có câu rằng:

« *Nhận đắc bản-lai chân diện mục, Đáo đần hà xứ bất hưu hưu.* »

Đại ý:

Nhận được cái chân diện mục vốn có của mình mà đừng để cho nó mờ-lối hay sai lạc đi, thì gặp việc gì, ở chỗ nào mà trong lòng chẳng được rộng-rãi và quang-đăng?

Đề thuyết minh về châu-tâm ấy một cách rõ ràng hơn, ngài có nói ở bài « *Chân tâm chỉ dụng* » gồm 16 câu, mỗi câu 4 chữ như vậy: « *Cái dụng của chân tâm nó tĩnh-tạo, nó lặng-lẽ, không*

đi, không lại, không bớt, không thêm, vào lớn được, vào nhỏ được, xoay thuận được, xoay nghịch được; động thì như mây, hạc; tĩnh thì như tường vách; nhẹ thì như lông; nặng thì như đá; sạch lâu lâu, đỏ hơn-hỏn, không thể đo-lường, không có tông-tích ».

Đó, về mặt triết-lý trong thơ văn vua Trần-Thánh, chúng ta nhận thấy có những chỗ cao thâm là thế.

Ngải mất tại Nhân-thọ cung, ngày 25 tháng 5, năm Canh-dần, niên-hiệu Trưng hưng thứ sáu, 1290, thọ 51 tuổi, táng Giục-lăng.

Tham khảo : Đại Việt sử-ký toàn thư, quyển V, tờ 25-63; Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục, quyển VII, tờ 1 — quyển VIII tờ 19; Toàn Việt thi tập; Thánh dăng thực lục...
H. B.

Đón coi :

Quan - niệm dịch thơ
của KIỀU THANH QUẾ
Bản sách-dẫn về « Đại Nam liệt truyện »
của THỌ XUÂN LÊ VĂN PHÚC

LOẠI SÁCH
QUÊ-HƯƠNG
I

Trần Can

kèm thêm

Lý Chiêu-Hoàng

Vở kịch dài đầu tiên bằng thơ trong thi giới Việt-Nam.

Một thi phẩm tuyệt tác của

PHAN KHẮC-KHOAN

Boite postale N. 2 Hué

người đầu tiên chuyên viết kịch bằng thơ theo sự tích của quê-hương đất nước.

Ở Bắc kỳ, gửi về cho hiệu sách Đông Tây 195 hàng Bông Hanol. Giá sách 0p80 Cước 0p14

Tin văn hằng tuần

QUỐC-TẾ

Theo tin O F I ngày 10 juillet thì quân Đức đã tiến quá Voronej (Nga) 170 cây số và hạ thành Rossosj rồi, nhưng ở mạn Orel, quân Nga lại tiến thêm được 100 cây số.

Ở miền Caucase thì quân Đức đang dự bị một cuộc tấn công lớn.

Tại Bắc Phi thì cuộc xung đột đã bắt đầu dữ dội.

Tin Thổ cho rằng tướng Rommel đã làm xong việc mình; nay sắp đến lượt quân đội Đức ở đảo Crète dùng quân nhảy dù khởi thế công để định chiếm hết các địa điểm ở Ai Cập.

Theo O F I thì, vì chính phủ Ai Cập không chịu hợp tác với Anh nên sáng thứ bảy, nhà chức trách Anh đã hạ tối hậu thư cho vua Ai Cập là Farouk, bắt vua phải khai chiến với Trục, nếu không nghe, vua sẽ bị bắt làm tù binh. Nhưng vua và nghị viện Ai Cập không nghe, đã nhất quyết không giúp Anh, bởi thế nên về vùng này, Anh còn lúng túng lắm.

Cuộc chiến tranh ở Thái Bình Dương vẫn không thay đổi mấy : quân Mỹ đã sang đóng giữ đất Úc. Mà ở Moresby (cửa bể Úc) thì đã thấy có phi cơ Nhật sang đánh các tàu đồng minh đậu ở đấy.

Mãi 13 juillet mà ủy ban chấp hành của quốc dân đảng Ấn Độ vẫn chưa quyết định thái độ đối với bản dự án của ông Gandhi và ông Nehru.

Ở Vân Nam cũng thấy không quân Nhật giao chiến với phi cơ Mỹ.

Theo tin Nhật thì bà Tưởng Giới Thạch tức Tổng Mỹ Linh cùng hai bà Tống Khánh Linh và Tống Ái Linh đã dời Trùng Khánh đáp máy bay sang Mỹ, định đề vận động Mỹ giúp Tàu.

Quân Nhật đã chiếm miền đông nam tỉnh Chiết Giang. Kiến An, thuộc tỉnh Phúc Kiến, cũng bị ném bom dữ, cũng như tại Côn-Minh, thủ đô Vân Nam và Kiến Thủy, cách Côn Minh 170 cây số. Ở đấy thấy có phi cơ Mỹ lên tiếp chiến.

ĐÔNG-DƯƠNG

Ngày 19 Mai, quan Toàn-quyền đã ký nghị định cho phép tổ-chức kỳ hội chợ trưng bày tại Saigon từ 20 Décembre 1942 đến 30 janvier 1943.

Hồi 9 giờ sáng ngày 11 juillet, ủy ban phân định biên giới Đông-dương Thái-lan đã làm lễ, ký hiệp ước tại dinh Đốc-lý Saigon.

Cuộc hội thương ở Dalat giữa quan Toàn-quyền Decoux và các quan thủ-hiến các xứ đã xong. Trong cuộc hội-thương, các ngài đã bàn nhiều về vấn-đề chính-trị và kinh-tế ở Đông-dương.

Hội-nghị liên-bang Đông-dương lại sắp họp để bàn về chương-trình cải-cách các hội-đồng dân biểu.

Theo nghị-định quan Toàn-quyền ngày 2 juillet 1942 thì tại các tỉnh biên-giới và những nơi địa-hạt quan binh Bắc-kỳ và Ai-lao sẽ đặt ra một khu gọi là « tiền khu » (zone de l'avant). Khu này gồm giữa khoảng biên-giới Tàu-Đông-dương. Những người muốn qua lại hay ở tại khu ấy phải có một thứ thẻ riêng gọi là thẻ biên-giới. Thẻ biên-giới sẽ do các võ-quan trong địa hạt quan binh, các quan sứ các tỉnh biên-thùy, hoặc các người ủy-quyền của các vị quan ấy cấp phát.

Thẻ biên-giới chỉ được cấp trong một hạn sáu tháng.

Những người không có thẻ biên thùy mà đến ở « tiền khu » sẽ bị trục xuất, ngoài ra còn bị phạt từ 15 ngày tù hoặc 100 quan.

Chiều hôm thứ bảy 11 Juillet ông chánh phòng báo chí và tuyên truyền Nam-kỳ đã đến khai mạc cuộc triển lãm báo sách Việt-Nam tại nhà hàng Nguyễn-khánh-Đàm Saigon. Cuộc triển-lãm này rực - rỡ nên kết quả tốt đẹp lắm.

Cách xếp đặt chữ nho

Tiếp theo trang 8

liền làm một. Thí dụ : bộ « thảo », bốn nét, viết còn có ba : 艸

Chữ du một mình bảy nét 攸 hợp với chữ khác viết nhằm còn có sáu xem chữ điều 條 chữ thao 條

3) Lỗi các ông thợ khắc. Thí dụ chữ Qui 龜 Các tự vị đều tính 16 nét, nhưng đếm thấy những 18 nét. Sách « Premières leçons de chinois » của A. Vissière cắt nghĩa rằng nét ngoằn-ngheò 乚 phải tính một nét trong chữ qui và ba nét trong chữ mãnh 龜 Có lẽ hơi trái với phép viết hán-tự: tiên tả, hậu hữu, tiên thượng, hậu hạ. Tự-vị tính mười sáu nét chẳng qua là theo cổ-văn; theo hình con rùa, chữ qui phải viết 16 nét thật. Nhưng thợ khắc muốn tiện việc ngắt hai nét 乚 làm đôi, mỗi nửa một bên, thành thử giữa chữ qui có một đường giấy dề trắng từ trên xuống dưới. Người viết cũng ngắt ra như vậy, cho hai bên bằng nhau để trông chữ dễ coi. Rồi quen đi đến lúc có dịp tra chữ qui mới ngạc-nhiên không hiểu sao tự-vị lại tính có 16 nét.

4) Số nét có liên-lạc với bộ chữ Thí dụ chữ chi 之 Khang - Hi xếp vào bộ « phiết ». / Nét phẩy thêm ba nét thành chữ chi : vậy chữ « chi » bốn nét. Nếu xếp vào bộ « điểm » « bộ chú » chỉ thêm có hai nét, vậy chữ chi có thể tính ba nét được. Lại như chữ vĩnh 永 Khang - Hi xếp vào bộ « thủy » 水 Chữ vĩnh hơn chữ thủy một nét chấm, một nét ngang : thủy tính bốn nét, vĩnh phải tính sáu. Nếu xếp chữ vĩnh vào bộ « chủ » lẽ tất nhiên phải bớt đi một nét. Bảo rằng xếp chữ chi chữ vĩnh vào bộ « chủ » không được, thì chữ tổng sao xếp vào bộ « sắc » 色, chữ tốt 本 sao

không xếp vào bộ « 丩 » 丩 ? Những tự-diễn tra bằng net phần nhiều theo tự-vị tra bằng bộ, nên không tránh được chỗ phiền phức của Khang-hy tự-diễn. Chữ chi vẫn tính bốn nét, chữ nãi vẫn tính hai nét : cùng một nét ngoặc, chỗ thì để nguyên một nét, chỗ lại ngắt ra làm hai. Ông bạn Nguyễn-công - Tiểu của tôi, sao không thêm cái đó vào những truyện kỳ-quan trong vũ-trụ ? (3)

5) Chính tự-diễn đếm nét cũng không nhất định. Trong Khang-Hy chữ vĩnh 永 đứng một mình tính sáu nét, trong chữ vịnh 咏 tính năm nét, chữ cực 亟 đứng một mình tính tám nét, trong chữ cực 極 tính chín nét, chữ miêu 苗 trong chữ 貓 đứng một mình tính chín nét, trong chữ 貓 tính tám nét, chữ phần 賁 trong chữ 噴 đứng một mình tính 13 nét, trong chữ 墳 tính 12 nét.

Ngoài những điều bất-tiện kể trên này, bút-số phân-loại còn một chỗ khuyết-diểm lớn nữa, là những chỗ số nét bằng nhau rất nhiều. Cuốn Hán-Anh-tân-từ-diễn, A new chinese English dictionary vào khoảng 10 000 chữ, mà có đến 760 chữ mười nét, 770 chữ mười một nét, 830 chữ mười hai nét. Vậy cách bút-số phân-loại không thể dùng một mình được : những chữ số nét bằng nhau, phải xếp theo bộ nữa mới tiện việc tra-cứu.

2.) Bút-hình phân loại

Cách này phân-loại hán-tự theo hai nét dẫn, như lối « Giang-sơn thiên-cổ » dùng trong cuốn Khải-Minh từ-lâm, do Khải-Minh Thư Cục xuất-bản năm 1940 ; hoặc theo bốn nét dẫn, hai nét cuối, như trong cuốn Trung-Học-Sinh-Từ-Lâm, do Thế-Giới-Thư-Cục xuất-bản năm 1936.

1. Khải-Minh-Từ-Lâm. — Tự-vị này chia ra làm bốn Bộ, theo

nét đầu bốn chữ Giang-sơn-thiên-cổ.

Bộ « điểm » 點 : nét chấm là nét đầu chữ Giang 江

Bộ « trực » 直 : nét sỏ là nét đầu chữ Sơn 山

Bộ « phiết » 撇 : nét phẩy là nét đầu chữ Thiên 千

Bộ « Hoạch » 劃 : nét ngang là nét đầu chữ Cồ 古

Mỗi bộ lại chia ra làm bốn Mục 月 tùy theo nét thứ nhì khác nhau. Nét kép phải chia ra làm hai nét đơn. Ví dụ :

chữ thiên 千 nét phẩy đầu, . . . bộ « Phiết »

nét ngang thứ nhì . . . mục « Hoạch » .

chữ cổ 古 nét ngang đầu, . . . bộ « Hoạch »

nét sỏ thứ nhì . . . mục « Trực » chữ tử 子 nét ngoặc đầu, chia ra làm hai.

nửa trên ngang, bộ Hoạch, nửa dưới phẩy mục « Phiết »

Trong một mục dùng số nét khác nhau để phân biệt. Rút cục cũng phiền-phức như cách bút-số phân-loại : nhiều khi phải dò từng chữ mới thấy (bộ Hoạch, mục Trực có đến 120 chữ tám nét

2. Trung-học-sinh-từ-lâm. — Xem bài sau, bàn về biểu-mã phân-loại.

Còn nữa

Đ.T.Đ.

1. Trong bài này tôi phân-biệt hán tự với chữ nho. Hán-tự là Caractères chinois, langue écrite ; chữ nho là hán tự đọc theo giọng Việt-nam.

2. Vào khoảng Octobre 1941, tôi có ngộ ý với tác-giả quyển Hán-Việt từ-diễn về cách phân loại hán tự. Ông có giả nhời tôi rằng nếu tự-vị của ông in lại, ông sẽ xếp-đặt theo séries phonétiques mà ông dịch là « khuôn tiếng »

3. Xin độc-giả tha-thứ cho câu này, hơi lạc-đề. Vì đi xa hay bị quên cũ . . .

Phê - bình**KINH CẦU TỰ**

của HUY CẬN

HỘI-THỐNG VŨ VĂN-LỢI viết

NĂM xưa nhà văn - hào Pháp Paul Bourget xuất - bản cuốn tiểu-thuyết « Le Sens de la mort » (Nghĩa cái chết), mượn một thiên tình-sử cao-thượng, bi-đát, để diễn-đạt tư-tưởng của tiên-sinh về lẽ sinh tử ở đời. Edouard Rod cũng đã bản-khoản đi tìm nghĩa cái sống, trong cuốn « Le Sens de la vie » Sinh, tử, tồn, vong, quả là một cái dễ thiên - cổ đã làm cho bao thi-nhân, mặc-khách, cò-kim, Đông, Tây, tốn công suy nghĩ, mà vẫn chưa khám-phá được lẽ huyền-bí của Tạo-vật.

May thay, ông Huy Cận, đầy một lòng tin-tưởng và tín-nhiệm vào cuộc đời, đã cho ta biết « Nghĩa sự sống » một cách gọn-gàng, minh - bạch, trong tập « Kinh Cầu Tự ». — « Ôm sự sống, hôn cuộc đời », tác-giả sau khi ca tụng không ngớt « sự sống bao la và độ lượng », « cái chẳng chịt muôn hình của sự sống », « cái vui của Vũ-Trụ » (thì « mỗi người sinh ra » chẳng là « một cục vui của Tạo-hóa » là gì ?) đã cho ta biết một cách chắc-chắn

rằng : « Nghĩa sự sống ? Chỉ là lòng yêu sự sống mà thôi »

Tác - giả « Lửa Thiêng » đã đứng về phương-diện tình-cảm để giải quyết một vấn-đề thuộc về siêu-hình học. Có « cái mạch sống mệnh mang ở ạt », ông « tin-tưởng ở sự sống, ở sức sống của con người », ông « đã yêu sự sống quá chừng nên... phải nhập cuộc (cuộc sống). Ông « xin Thượng Đế tha cho chúng sinh cái nhục héo hon, cần cỗi », và cầu nguyện để mong Thượng-Đế thương lấy « muôn loài cần cỗi » và cho chúng sinh « lấy cái vui chuyền trời của sự sống ».

Nhưng Vũ-Trụ không vui, cũng không buồn, vẫn thản - nhiên, lãnh đạm, trước những cuộc phé hưng, dẫu bề. Cũng như đóa hoa sớm nở, chiều tàn, sống, chết, là những sự tự-nhiên trong trời đất. « Cục vui của Tạo-Hóa » là cái quái gì ? Chẳng qua « đã mang tiếng khóc bùng dẫu mà ra » thì phải làm tròn phận - sự, gánh vác với đời, góp mặt với giang-sơn, chứ có phải dẫu vì « yêu sự sống quá chừng » mà nhập cuộc sống dẫu ?

« Vai vút mạnh, ngực dờ ra », ông Huy Cận hăng-hái « đi chinh phục cuộc đời » với một tin-tưởng mãnh-liệt vào sự sống ; nên ông cầu cho muôn loài « lấy cái vui chuyền trời của sự sống », ông tưởng rằng dưới gầm trời ai cũng « vui như cây lên, như nước chảy », ai cũng là « giòng sông chảy ào về biển » cả.

Thông chế Pétain đã nói :

« Nước Pháp tin cậy vào bản chức chưa phải là đủ ; nước Pháp còn phải tin vào sức của toàn dân. Và mỗi người Pháp phải giúp - đỡ bản chức một tay. »

Khi « ta vui thì ta gần Tạo Vật », « lòng ta vui thì ta thấy cả Tạo Vật » như tự lòng ta mà ra » ; trái lại, khi « lòng yếu » của ta hần cạn, thì sự sống cũng xa ta. Lòng ta buồn, thì « nhịp đàn của Vũ-Trụ » cũng lỗi. Kết luận : nếu nghĩa sự sống chỉ là lòng yêu sự sống mà thôi, thì một khi lòng yếu không còn tha-thiết nữa, sự sống sẽ trở nên vô nghĩa.

Phân - tách tình thương - hại, tác-giả cho là « một điều bịa của con người... không tự nhiên, và không mỹ-thuật chút nào » Tuy vậy, ông cũng công nhận rằng « xã hội cần đến (tình thương hại) ở dưới đồng bằng ». Nhưng, « ở trên đỉnh ta cần chi đến » ; và « nếu không có lòng thương... » thì « biết đâu » ông « đã không vút lên trời từ mấy thuở » ! Phải, biết đâu đấy ? Ông vút lên trời, chắc là để « trông xuống thế - gian cười » ! Thật là « những ý nghiêng trời, chuyền đất », và « . ghé góm ! ».

SÁCH CỦA NHẬT - NHAM
Trịnh - Như - Tấu :

- 1 — Hưng yên địa chí Op.80
- 2 — Bắc giang địa chí 1.50
- 3 — Trịnh gia chính phủ 0.40

Đều có bán tại Đông Tây
thư quán

195 Phố Hàng Bông - Hanoi

Nhưng theo Anatole France, thì tình thương - hại lại là cần. Ta hãy nghe tiên-sinh : « Tôi càng nghĩ đến sự đời, lại càng tưởng nên lấy sự trào-phúng và bi-thương làm chủ và làm chứng cho đời người. Sự trào-phúng và sự bi-thương là hai bạn tốt lắm; một bên cười làm cho đời người đáng yêu, một bên khóc làm cho đời người đáng kính » Plus je songe à la vie humaine, plus je crois qu'il lui faut donner pour témoins et pour juges l'Ironie et la Pitié. L'Ironie et la Pitié sont deux bonnes conseillères; l'une en souriant, nous la rend aimable; l'autre qui pleure nous la rend sacrée... Phạm Quỳnh dịch).— Có lẽ theo thuyết sau này đúng hơn.— Chính ông Huy Cận cũng khuyên ta : « Lá vàng có đáng thương chi, hãy dành lòng mà thương lá héo » (K. C.

T. trang 42) tuy ở mấy trang trên (28) ông đã bảo rằng « lòng thương hại không đẹp đâu... không tự-nhiên ».— Dẫu sao, cuộc đời là một tấn bi - hài kịch, nên khi cười, lúc khóc, có thêm thêm ít trào phúng và bi-thương, tưởng cũng không phải là thừa vậy. Vả lại, nếu người xưa « thương con quốc rũ kêu mùa hạ, thương cánh bèo trôi rạt bề đông, » thì ngày nay, chúng ta có « thương vợ chồng Ngâu, duyên chềnh mảng, thương cha, mẹ rên phận long - đong » cũng không có hại chi cơ mà !

Ông Huy Cận lại khuyên ta « nhỗ hận trong lòng... mà vút đi ! Hối hận không phải là cây tự nhiên trên đất này... » Thiển nghĩ, hối hận cũng như lòng thương hại, cần cho thể-nhân lắm. Nhiều khi hình phạt của xã-hội, hay « búa rìu của dư-luận » cũng không làm cho người ta đau đớn bằng sự hối hận, có khi chiến miên suốt đời không hết. — Một người đã phạm một điều đại gian ác, chung quanh không ai biết. Nhưng những lúc đêm khuya thanh vắng, một mình mình biết, một mình mình hay », lương tâm dày vò, hối hận cắn rứt,... ví dụ kẻ kia còn nhất điểm lương tâm..., thì cái sự bình phạt thiên nhiên đó làm cho đau đớn é chề, dẫu sống đến trăm năm cũng không chắc đã nhỗ được gốc trong lòng mà vút đi một cách ung dung dản dị ! Cho nên bàn tay của Macbeth đã vấy máu tội lỗi, thì tất cả những hương thơm của xứ Arabie cũng không sao gội sạch được.

Có lẽ tác-giả « Kinh Cầu Tự » quên rằng hai năm trước, trong tập « Lửa Thiêng » đã viết bài « Thân thể » (... Nếu Chúa biết

bao nhiêu hỗn ly tán. Vì đã nâng bình lửa ấp lên môi; thì hẳn Chúa cũng then thùng hối hận. Đã sinh ra thân thể của con người...) — Thương Đế, Chúa Trời còn biết hối hận thay, huống chi người !

Trong tập « Kinh Cầu Tự » còn vài chỗ mâu-thuẫn. Một thí dụ : Trang 48, ông viết « Ta phải bắt quá khứ nói ta nghe hết cả ý nghĩa của cuộc đời » Nhưng trang 84 ta thấy : « Tin tưởng ở sự sống; chờ nhìn trước ngó sau mà mất thì giờ ». Rồi trang 109, tác-giả lại viết : « Đem ta vào quá khứ tìm lại những cơn say mê, những cơn cuồng dại... v. v. » Đọc giả tự lấy làm phân - vân, không biết nên theo con đường nào. — Một vài chỗ tối nghĩa : « ... Trong bóng tối mệnh mang lòng ta đã hóa một liếng gà mà thức tỉnh mặt trời, gọi dẫn ánh sáng... » « Ta đã ăn hành-vi của ta khi còn là cái thai trong tử-tưởng » — « Chỉ có thể tự-tử (?) những kẻ đã mở hồn, đã vào trong hồn mệnh mỏng của Vũ-trụ v.v... » — Có chỗ song song, số sàng quá, gần như khinh mạn độc-giả : « Cha tâm sự với con :... « Có nhiều khi đọc xong đoạn thơ mệt như vừa nằm với người đàn

Sách khảo cứu

Truyện đức Không - tử. — Thuật trọn đời hy-sanh và tận tụy về phong-hóa, đạo-nghĩa của đức thánh Không. Ngài là một mảnh gương học hỏi, cương quyết, thanh bạch. Trọn bộ 1 quyển : 1p 00

Mấy thầy tu huyền bí. — Ở Tây-tạng và Mông-cô. Biên những cách luyện đạo của các nhà tu trị nơi non cao đồng vắng, những phép huyền linh của hạng người thắng phục thân tâm.

Trọn bộ 1 quyển : 1p.10
Gửi mandat thêm cước phí 0p.55

M. Đoàn-Trung-Còn

143 Rue Louvain Saigon

Sách mới

Bản-chí đã nhận được :

1. *Làm tiền một thiên phóng-sự* rất đặc-sắc của Trọng-Lang do nhà « Mới » xuất-bản. Sách in đẹp, giấy 188 trang, giá bán : 1 p, 20.

2. *Hiến-pháp của quốc-trưởng Pétain.* Mười sáu yếu-diểm về Hiến-pháp mới, dấn-giải theo sách nho do Ung-Trình dịch, phủ Toàn-Quyền xuất-bản.

Xin thành-thực cảm ơn các nhà tặng sách và giới-thiệu với bạn đọc,

bà... » « ... Sông cứ chôi đi, mặc cha cái bến và người ở trên : »
 « Âm dương : Cái tình thất bó của sự sống đó thôi. Đã bao giờ anh muốn nằm với đất chưa ? Biết.đâu sẽ không chồi lên một cây muôn nghìn tươi tốt v.v... »
 « ... Ta đã nằm với ai dễ dễ ra các người đó ? (Các người đây là những ý « nghiêng trời chuyển đất » của tác-giả) — Ông Huy-Cận lại có ý muốn khoe rằng « những ý mạnh đã sé sưng thịt ông « mà tuôn ra » ! và ông đã đau .. linh hồn và thân-thể .. », khi viết những ý của ông lên giấy — Thì từ xưa đến nay, những bà mẹ « mang nặng đẻ đau », cũng như những nhà văn-hào chân-chính, đều đã từng biết thế nào là sáng-tạo trong sự đau đớn. Một đẳng thì đem xương, máu tạo ra sự sống, một đẳng thì moi tim, óc cố gắng hiển đồng loại, đều rất đáng khen, đáng kính. Nhưng viết và in lên giấy những ý không mới mẻ gì, e có khi thừa.

Tác-giả Kinh Cầu Tự có kiêu-hãnh không ? Ta cứ xem đoạn

Đón xem

Tôn Thọ Trường

một danh-sĩ đất Đồng-Nai
(1825-1877)

KHUÔNG-VIỆT biên soạn

THIỆU-SƠN đề tựa,

« ... Một công trình có giá trị
 « về lịch sử và một tấm gương
 « tiết tháo đề soi chung ».

Nhà NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM
 12, Rue Sabourain, Saigon
 phát hành.

văn này sẽ rõ : « ... Kể đọc ta ơi !
 Ta đang may áo trừ hao cho
 người đây. Ít lúc nữa tâm hồn
 anh mới bận tư tưởng của
 ta đó... *Ta mong cho tâm hồn anh
 chóng nhón ? ... ta mong anh
 chóng vắt áo ta đi...* » Và « Những
 chiều thơ đại, đã có khi ta muốn
 cầm trái đất trong tay mà vắt
 như một quả cam... » Chắc là vắt
 lấy nước ngọt, và bỏ dể uổng cho
 đỡ khát ! Vì tác-giả khát khao
 chân-lý, đang « đi tìm nguồn ». Ông Huy-Cận quả đã hơn M
 Barrès và André Gide — (1)

Nói tóm lại, ông Huy-Cận cũng
 đã tốn công phu lắm mới viết
 xong tập Kinh - Cầu - Tự này.
 Nhưng tiếc thay ! chưa phải
 là một quyển sách gối đầu
 giường cho thanh-niên nam-nữ,
 « phải đọc lại mỗi giờ mỗi phút »
 — Lời văn tuy chải chuốt, nhưng
 hiềm một vài chỗ trúc trắc, sỗ-
 sàng ; « những ý nghiêng trời
 chuyển đất » của tác-giả không
 lấy gì làm tân-kỳ, xuất - chúng
 đáng cho ta phải chú-ý một cách
 đặc biệt (2). — Tôi thành thực
 mong rằng với tập « Đài mây Vũ-
 trụ ca » xấp xuất bản, ông Huy-
 Cận sẽ làm cho ta phải ngạc nhiên
 và không dè dặt lời khen ngợi.

HỘI-THỐNG VŨ VĂN-LỢI

1. Maurice Barrès có câu rằng :
 « Giá tôi có tài làm thơ thời tôi
 ngâm vịnh đề tả tấm lòng khao khát
 muốn nuốt cả trời xanh » Si j'étais
 un jour poète, ce serait pour exprimer
 un désir insatiable de ciel immense — Phạm-Quỳnh dịch —

André Gide khuyên ta nên vứt bỏ tác
 phẩm của ông sau khi đã đọc, đề đi
 sâu vào sự sống thiên - hình vạn-
 trạng. (Jette mon livre...)

2. K.C.T. trang 23 : « Ta phải bỏ
 một thời của ta đi, ... cho một cái ta
 mới ra đời... » Xin xem những tác-
 phẩm của Bergson.

K.C.T. trang 94 : « Đâu con đường
 hôm trước, đâu hồn ta phút này ? »
 — Nous n'aurons plus jamais notre
 âme de ce soir — Comtesse de
 Noailles — Văn... văn...

Vườn trưa

Tầng cao nắng đốt vàng
 nguyên
 Cho vàng tưới rội khắp miền
 tràn-lan
 Vườn trưa lặn ngập trong
 vàng
 Lâm duyên lẳng-lặng đôi
 hàng cau tơ.
 Hương-dương say nắng ngằn-
 ngơ
 Lẳng-lặng đôi cánh dật-dờ
 bướm bay.
 Trời trong chẳng gợn làn
 mây.
 Gió không giễu-cợt hàng cây
 rũ buồn.
 CỎ CÀM-LAI

Tiếng chuông chiều.

Trời sẽ run lên với tiếng
 vang,
 Dư-âm bữa vọng tới mây
 ngàn;
 Vòm cây thành-kính nghiêng
 đầu đón,
 Nắng tắt sườn-Tây, núi vào
 than.
 Chuông đồng gọi tỉnh lòng ai
 yếu.
 Kể trưc lẫn nường bóng
 điệp vàng.
 Cứng cánh chim siêng là mái
 đậm,
 Ngói hồng đan biếc khói xây
 ngang.
 Bên thôn mục-tử theo đường
 vắng
 Gõ nhịp sừng trâu, gót dặm
 đàng.
 Quạnh-quẽ đồng hoang cơn
 gió vút
 Chiều chẳng áo sấm quuyến
 chuông tàn.
 ..
 Lòng tôi trong xóm cô đơn
 dầy
 Hát nẻo đường xa náu tiếng
 vang.....
 Từ-Kim NGUYỄN-HUY-SA

Dịch thơ tây

La jeune captive

L'épi naissant mûrit, de la faux respecté ;
Sans crainte du pressoir, le pauvre tout l'été
Boit les doux présents de l'aurore ;
Et moi, comme lui belle, et jeune comme lui,
Quoi que l'heure présente ait de trouble et d'ennui,
Je ne veux point mourir encore.

Qu'un stoïque aux yeux secs vole embrasser la mort,
Moi, je pleure et j'espère ; au noir souffie du nord
Je plie et relève ma tête.
S'il est des jours amers, il en est de si doux !
Hélas ! quel miel jamais n'a laissé de dégoûts ?
Quelle mer n'a point de tempête ?

L'illus on féconde hab'ite dans mon sein.
D'une prison sur moi les murs pèsent en vain,
J'ai les ailes de l'espérance ;

Echappée aux réseaux de l'oiseleur cruel,
Plus vive, plus heureuse, aux campagnes du ciel
Philomène chante et s'élance.

Est-ce à moi de mourir ? Tranquille je m'endors,
Et tranquille je veille, et ma veille aux remords
Ni mon sommeil ne sont en proie.
Ma bienvenue au jour me rit dans tous les yeux
Sur des fronts abattus mon aspect dans ces lieux ;
Ranime presque de la joie.

Mon beau voyage encore est si loin de sa fin !
Je pars, et des ormeaux qui bordent le chemin
J'ai passé les premiers à peine.
Au banquet de la vie à peine commencé,
Un instant seulement mes lèvres ont pressé
La coupée en mes mains encor pleine.

Je ne suis qu'au printemps, je veux voir la mo-
son ;

Et, comme le soleil, de saison en saison,
Je veux achever mon année.
Brillante sur ma tige et l'honneur du jardin,
Je n'ai vu luire encor que les feux du matin,
Je veux achever ma journée.

O mort ! tu peux attendre ; éloigne-toi ;
Va consoler les cœurs que la honte, l'effroi.
Le pâle désespoir devore.
Pour moi, Palès encore a des ailes verts,
Les amours des bas sers, les Muses des concerts ;
Je ne veux point mourir encore.

ANDRÉ CHÉNIER

Lao trung thiếu-nữ thân

Nắng xuân ấm, hoa đào hơn hờ,
Gió đông còn chưa nở ra oai ;
Nhuần mưa, bông lúa khoe tươi,
Nở-nhờ, chẳng sợ tay người cắt non,
Ta cũng đẹp, hoa hơn chàng chớ,
Đầu còn xanh, như lúa chưa vàng.
Bây giờ dù mắc gian nan,
Thân này chưa muốn thác oan lúc này !
Mặc những kẻ, gan lay chẳng chuyển,
Lấy chết làm một chuyện vô vang
Thương thân, ta khóc, ta than,
Trông đời, hy-vọng còn chan với đời.
Gió bắc thổi, cúi rồi lại ngừng.
Mưa ướt rồi phải hững hờ lên.
Mặt nào chẳng sót mùi men,
Bề nào mà chẳng có phen ba-đào ?
Vòng cương-tỏa ra vào, chỉ kẻ,
Vẫn mơ-màng góc bể, chân mây.
Mặt dầu cũng chán, tương vầy,
Lòng này có cánh ai hay ngăn ngừa ?
Kìa xem thỏ sơn-ca chim nọ,
Vừa thoát vòng lưới họ bủa-dăng,
Viu-von bao xiết vui mừng,
Thẳng trông vãn lộ, đó chừng bay cao.
Ngắm thân-thể, ta đâu phải chết ?
Tấm lòng này bang-tuyệt phi-phong,
Ngày đêm thure ngủ thong-dong,
Đêm không hối hận, ngày không âu sầu.
Khí đi đứng, ra vào đây đó,
Người người trông đều có lòng yêu ;
Kìa bao mặt ủ, mây trau,
Thấy ta, tức-khắc có chiều hân hoan.
Con đường, thể dậm ngàn bát ngát,
Trông còn xa, mù tạt chân mây ;
Bên đường dương liễu buông giầy,
Ta đi mới quá mấy cây ở đầu,
Bàn tiệc thề, mới vào chưa kịp,
Chén rượu nồng, mới nhấp trên môi,
Rượu lòng còn nức hương giờ,
Chén quỳnh âm-áp chưa dời khỏi tay.
Ta mới thấy xuân hây-hây gió,
Con muông xem sen ngó trên ao ;
Sen tàn đùa cù, cột dáo,
Bòn mùa thure thure phải ao-ước lòng.
Trong vườn nọ, bông hồng mơn-mởn,
Chiêm hoa khoe, nhi-nhờ trên cành,
Ra đời mới thấy b. nh minh,
Lòng còn muốn được xem ra h. hôn-hoàng.
Hỡi Thân chết hãy khoan, khoan đã,
Tranh xa ra quây-quá ta chỉ !
Chau đời bao kẻ, th. ầu gi,
Đi tìm mà rước họ đi cho rồi !
Ta còn có nhiều nơi du ngoạn,
Trên đường đời, còn vạn cánh xuân ;
Ngày xanh còn lắm ai ăn
Thân này chưa muốn thác oan lúc này !

CÁCH CHI PHÊN DỊCH

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỢP

Số 4 của CHU-THIÊN

NÊN mẹ con tôi muốn liên trước đi thì hơn

Chân-Giác Thiền-sư chưa kịp đáp lại thì ở ngoài sân chùa tiếng người xôn-xao văng-vẳng đưa vào : Người ta tìm hỏi sư cụ trụ-tri chùa Giác-nộ này. Thiền-sư vội vàng đi ra. Đến cửa nhà tổ, tranh tối tranh sáng, chưa trông rõ ai, thì đã bị một bọn người ủa lại bắt và cùng nói :

— Nhà sư trụ-tri đây rồi !

Thiền-sư định thần lại trông rõ bọn người ăn vận võ-phục là quân lính nhà vua, liền hỏi rằng :

— Bần tăng đây, các ngài muốn cần việc gì ?

Một người đội-trưởng nắm lấy tay Chân-Giác và đồng đặc hỏi :

— Phạm-phụ vợ Phan-Độ hiện trú ngụ ở đây. Nhà chùa phải thân dẫn chúng tôi đến bắt. Lệnh quan truyền vậy.

Chân Giác thiền sư còn ngần ngại chưa chịu đi, toan cãi lại, thì người đội-trưởng kia đã kéo tay đi, tiến về phía trai-phòng của Phan-phu-nhân. Vừa đi vừa nói :

— Chúng tôi biết cả rồi, nhà chùa không nên giấu giếm nữa, kéo lại mắc tội oa-tàng phạm nhân Nhà chùa ở nơi Từ-bì, chúng tôi xin bảo thực đấy. Và chúng tôi không muốn tàn phá gì cả. Chư ở nơi khác, chúng tôi đã phá phách tan hoang ra rồi !

Lúc ấy cả đoàn người vừa đến trước trai phòng, người đội trưởng ngừng lại và thấy bóng người ở trong phòng, liền hỏi sư Chân-Giác :

— Có phải phạm phụ đấy không ?

Thiền-sư im lặng, không biết nói

thế nào. Người đội trưởng quay lại truyền bọn lính :

— Các anh cứ sẵn vào bắt lấy bà già ấy !

Rồi hắn quay vào nói to lên rằng

— Có phải Phạm-phụ vợ Phan-Độ ở trong này thì rá chịu tội để quân lính bắt đi ! Đường có cớ gì lại mà bị đánh đập khổ thân ! Tìm kiếm mấy tháng nay mới thấy !

Phu-nhân còn đương hốt hoảng thấy chúng vào vào bắt, không chạy kịp, đành để chúng bắt dẫn ra trình người đội trưởng. Hắn liền hỏi to :

— Tên này là Phạm-phụ Phan-Độ, phải ?

Biết thân chẳng thoát khỏi nẻo, phu-nhân thần nhiên đáp bằng giọng đường hoàng :

— Phải, tôi là vợ quan Thượng-thư Phan Công-Độ.

Đội trưởng truyền :

— Quân lính trói lại, vợ quan Thượng thư cũng trói.

Tiểu-Lan đang ngạc nhiên, thấy chúng trói phu-nhân liền chạy sẵn lại chực gỡ ra, bị chúng ấy mạnh mẽ xô xuống hè. Rồi chúng trói cả Chân-Giác Thiền sư, cùng áp giải về quan doanh quan Trấn-thủ. Tiểu-Lan khóc lóc chạy theo, toan nắm chặt lấy phu nhân, xin đi cùng. Bọn lính thấy vương liền đá ngã lăn ra một góc sân rồi điệu Phan-phu-nhân và sư Chân Giác ra khỏi chùa. Tiểu Lan không được theo chủ nắm vật vả ở sân than khóc rất là thảm-thiết !

Quân lính đi khỏi rồi, chủ tiểu Chân-Giới ở đâu mới dò về. Nó mừng thầm mưu kế đã thành.

Nguyên ban sáng, nó bị Tiểu-Lan sỉ mắng, vừa giận vừa thẹn, vừa sợ Chân-Giác thiền sư nghiêm khắc quở phạt, nó liền nghĩ kế báo thù. Nó đã rình biết được tang tích của Phan-phu-nhân, bèn đi xuống đồn quan trấn thủ gần đấy tố cáo tội trạng của phu-nhân và Chân-Giác, trong bụng nó mong mỗi hai người kia bị bắt đi, để Tiểu-Lan ở lại một mình, nó sẽ dễ bề trả thù và bắt ép. Nay mưu kế nó đã thành hai người đã bị bắt đi rồi, nó ở đâu chạy ra giả ý kêu ca làm bộ mếu máo, thấy Tiểu-Lan lăn khóc, bèn chạy đến gần, giơ hai tay toan đỡ dậy mà rằng :

— Có bần tăng đây, nàng chớ nên quá thương chi nữa, mà hại đến thân thể. Thôi, xin nàng mau mau giẫy nào, nàng nên vào yên nghỉ tại trai-phòng, cùng bần tăng bàn tính việc cứu cho sư phụ và phu-nhân, chứ khóc lóc cũng là vô ích, mà nhiều khi còn hỏng việc lớn nữa...

Tiểu-Lan nghe thấy, không để cho nó nói hết lời liền vùng đứng dậy bầm hăm chỉ vào mặt tên tiểu mà mắng rằng :

— Chân-Giới ! Mày thực là đồ mặt người bụng hổ ! Ai còn không biết độc - mưu quỷ kế của mày : Vì lòng tà dục mà tàn hại phu-nhân ta, mày thực là bất nhân. không nghĩ ân tình mà hại đại sư, mày thực là bất nghĩa ; không biết xấu hổ, lại còn mơ mộng nói càn, thật là đồ vô liêm-sĩ. Ta quyết cùng mày sống chết một phen, cho rõ tấm lòng trinh tiết và hả nỗi căm tức của ta đây....

Nói rồi, nàng cầm luôn hòn gạch ném vào đầu Chân-Giới.

Chân-Giới đương nhoen nhoẻn cười chực nói chòng lại, vô ý không đề phòng, bị Tiểu-Lan ném trúng giữa trán, máu me chảy lênh láng, bèn ôm đầu xuyết-xoa và kêu rít lên rằng :

— À con tiện tỳ này vô lễ thật ! To gan thật ! không còn coi ai ra gì !

Rồi nó hằm hằm nổi giận, quên cả ý định, liền xông vào vật Tiểu-Lan ra để đánh. Tiểu-Lan chống cự vật lại hết sức, nhưng thân hèn sức yếu, lại bị đánh ngang hông, nên một lúc sau đã bị Chân Giời vật ngã xuống, cầm đá đánh túi bụi. Tiểu-Lan bị đau quá, nằm đờ ra bất-tĩnh nhân-sự, không còn động đậy gì nữa. Chân Giời đánh đã mỏi tay và hả giận rồi, mới kịp nhìn đến Tiểu-Lan. Thấy nàng đã chết lử rồi lay, gọi không còn biết gì cả, nó sợ hãi quá, lại thấy ở ngoài xôn xao có tiếng người, liền vác xác Tiểu-Lan chạy tắt sau chùa, quăng xuống một cái ngói nhỏ gần đấy. Nó đẩy xác xuống giữa ngói cho giòng nước chảy cuốn chum lên, rồi ung dung bình thần về chùa.

III

Giời sáng giăng trong Mảnh giảng thượng huyền như cái lược cài trên nền giới xanh ngắt, chiếu ánh sáng trắng nhạt xuống vùng quê yên-tĩnh. Bốn bề phẳng lặng như tờ. Trong cái ngói nhỏ mà sâu, nước chảy mạnh rào-rào nghe càng rõ thêm. Tiểu-Lan bị quăng xuống ngói, theo giòng nước mạnh cuốn đi rất mau, xa ước vài mươi dặm, rồi đến một khúc lượn, mắc vào cái rễ cây chồi ra ngang ngói. Giòng nước cứ đun đầy xác Tiểu-Lan mãi, đưa nhô đầu nàng lên quá mặt nước, ghềch vào rễ cây. Bị ngấm cuốn dưới giòng nước mát, những vết thương dịu dần nay lại được nhô lên tựa vào rễ cây, Tiểu-Lan dần dần tỉnh ra, và nghe văng vẳng có tiếng trống cầm canh, nàng bèn cố hết sức kêu lên rõ to :

— Ai cứu tôi với !

Lúc ấy đêm đã hơi khuya, nên sự yên tĩnh lại càng rõ-rệt. Tiếng kêu vọng đi thật xa. Quân canh trên đồn gần đấy nghe thấy tiếng kêu, liền nổi hiệu một hồi mõ cho quân lính trong đồn cùng ủa ra đi cấp-cứu. Mảnh giảng đã là-là gác núi, gần lặn rồi, chỉ còn chiếu sáng mờ-mờ. Bọn quân lính rầm-rộ kéo

ra đồng ruộng, đi ven bờ ngói tìm kiếm và lắng tai nghe ngóng tiếng kêu. Họ bảo nhau :

— Quái lạ ! rõ tôi nghe thấy tiếng người kêu cứu, mà ra đây lại không thấy, lạ quá !

— Hay là ma ?

— Ma nào dám hiện ra giữa sáng giăng như ban ngày thế này !

Một tên lính hoài-nghĩ nói :

— Hay là « cu cậu » mê ngủ, giật mình, rồi vội lên hiệu liều :

Một tên nữa cãi bộ :

— Không ! Tôi cũng nghe thấy tiếng kêu kia mà !

— Thế thì thử gọi lên xem nào ?

Rồi một người cất tiếng gọi to :

— Ai kêu cứu ở đâu đấy !

Cả bọn nghe cái tiếng kéo dài, rữ - rựi cười...

Tiểu-Lan nghe thấy tiếng người gọi nhưng một quá không sao thưa được nữa, cứ nằm rên-rỉ y-y. Bọn lính đi đến nơi. Tên đi đầu thấy tiếng rên, vội vác củi xuống, vừa nói :

— Người chết đuối, anh em ạ.

Rồi hân nháy ngay xuống ngói vớt kẻ bị nạn lên, nói :

— A ! người con gái chết đuối mắc vào rễ cây.

Một tên đỡ lấy nâng lên đường nói tiếp :

— Phúc - đức nhá ! Không có chúng tôi, cô phải làm nam-ram ở cái ngói này.

Mọi người đều xúm cả lại, mỗi người một nhời, ồn cả lên. Tên lính đến sau nói trọc tức một câu :

— Ai vớt được thì phần người ấy. Việc gì mà các anh phải sấn vào chực rây máu ăn phần ? Ai người ta để cho kia chứ !

Một người, có lẽ là đội-trưởng, mắng :

— Anh kia không được lão. Con gái đương đêm chết đuối đáng ngờ lắm. Việc quan - trọng, ta phải khiêng vào trình quan Trấn - thủ ngay !

Cả bọn đều vội đỡ Tiểu-Lan lên đem vào dinh, không kịp lay hỏi nàng gì cả. Vào qua cổng dinh, họ đặt Tiểu-Lan nằm ở hè trại quân. Trên chòi lập tức đánh ba tiếng trống báo. Một người lính vào bẩm với quan Trấn-thủ. Quan Trấn-thủ đồn này tức là Trần Long đang cùng với phu-nhân là Liên-Tường và nàng Lê Kim bàn bạc mọi việc, thấy người lính vào báo, liền cùng nhau sai cầm đuốc ra xem. Trần-Long soi đuốc vào mặt và khắp cả mình mấy rồi lật đi lật lại, sờ tay lên ngực nạn nhân thấy nóng nóng và hơi thở đều-đều, vội giục quân lính vác chạy cho học bót nước ra. Tiểu-Lan lúc ấy trong bụng đã tỉnh, nhưng ngấm nước đã lâu, rét quá không nói ra lời, cứ nhắm nghiền mắt lại, mặc cho họ vác chạy. Trần-Long ngẫm-nghĩ một lúc rồi nói :

— Người thiếu-nữ này có nhan sắc, không rõ đi đâu mà chết đuối, thực là đáng ngờ.

Liên-Tường liền nói :

— Thiếp trông ngờ-ngợ... Có nhẽ bây giờ người ta đã gần tỉnh rồi. Tướng-quân cho dừng lại cứu gọi xem sao.

Tên lính được lệnh, đặt Tiểu-Lan xuống. Liên - Tường đỡ mắt nhìn kỹ, rồi liền kêu lên rằng :

— Giời ôi ! Con Tiểu - Lan đây rồi. Thực quả không sai ! Chẳng hay đi đâu mà một mình lạc loài đến đây !

Rồi hai tay ôm lấy Tiểu-Lan mà khóc. Lúc ấy, Tiểu-Lan đã cử động được chân tay, Liên-Tường liền sai người thay quần áo và đốt lửa chung quanh cho Tiểu-Lan đỡ rét.

Mọi người thấy vậy, đều lấy làm lạ, không hiểu sao cả. Trần-Long và Lê-Kim cũng ngạc nhiên chỉ biết sai bảo đầy tớ cứu cấp cho chu đáo.

Liên-Tường nín khóc gọi :

— Tiểu-Lan, Tiểu-Lan tỉnh chưa em ! Tiểu - Lan !

Còn nữa
CHU-THIÊN

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

mới phát hành

THI-THOẠI

Dầy non 300 trang giá 2\$00

Son auteur, Văn-Hạc, est connu pour son esprit critique, aussi ce recueil abonde-t-il de détails d'anecdotes de notes et de commentaires variés... (L'OPINION n. 3.560 du 12 6 42)

ĐANG IN

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

Đã được cụ Nguyễn văn-Thổ và nhiều báo chí Pháp Nam ngợi khen

ĐẠO SỐNG

Nghiên-cứu và phê-bình các chủ nghĩa luận lý triết học Đông Tây Đặt sách, mua sách do nơi LÊ VĂN-HÒE giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ 16 bis TienTsin HANOI

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT - NAM

của PHAN TRẦN-CHỨC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0 \$ 7 0

Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4 \$ 0 0

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p.30. Không gửi tình, hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

SẮP IN XONG**CHỦ NHỎ HỌC LẦY**

Cử-nhân DƯƠNG BẢ-TRẠC soạn

ĐÔNG-TÂY thư quán, 195 hàng Bông Hanoi xuất bản

Mỗi quyển giá 1p00. cước 0p18 —

Các hiệu sách các nơi nên đặt mua từ bây giờ

Các bạn
cầu may !

bỏ 1 đồng

mua vé số

Đông - Pháp

biết đâu không trúng
số độc đắc 10 vạn

HÀNG MAY ÁO ĐI MƯA

Bằng lụa hoặc vải rất đẹp, nhẹ, bền, không thấm nước, ra nắng to, vào nước sôi cũng ết sảng đều không chảy, không bao giờ dính quần áo.

Có đủ các màu — Giá rất rẻ
do ETABLISSEMENT B T M chế tạo

Cần đại lý khắp mọi nơi

Viết thư về bureau de l'Établissement thương lượng
cùng M. BUI TÙNG-MẬU.

N. 36, Rue du Charbon Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng

Administrateur Gérant ; Dương Tự-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi